

Phần 1: KT - CT

Câu 1: Phân tích các điều kiện ra đời, tồn tại của sản xuất hàng hóa (SXHH).

DVD: Trong lịch sử phát triển của nền SXXH, có hai hình thức sản xuất rõ rệt là: SX tự cấp tự túc và sản xuất hàng hóa

SX tự cấp tự túc là SX SP để thỏa mãn nhu cầu của người SX trong nội bộ đơn vị kinh tế. Còn SXHH là SX ra SP bán các quan hệ KT giữa những người SX biểu hiện qua việc mua bán SP của nhau trên thị trường. SXHH đã ra đời trong 2 điều kiện lịch sử:

- Thứ nhất, có sự phân công LĐXH: phân công LĐXH là sự chuyên môn hóa SX, phân chia LĐXH thành những ngành nghề, lĩnh vực SX khác nhau
Do sự phân công LĐXH nên việc trao đổi trở thành tất yếu vì
 - + Phân công LĐXH mỗi người SX chỉ SX ra 1 hoặc 1 vài SP
 - + Mặt khác, do sự hạn chế của sức khỏe, thời gian, trình độ, nên không thể làm ra được toàn bộ các loại SP để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng lên của mình, nhưng nhu cầu đời sống đòi hỏi họ phải có nhiều SP khác nhau, do đó cần đến SP của nhau, buộc phải trao đổi SP cho nhau
 - + Do phân công LĐXH, chuyên môn hóa SX làm cho NSLĐ tăng lên, SP làm ra nhiều hơn, trao đổi ngày càng phổ biến

Vì vậy, tất yếu khách quan xuất hiện nhu cầu trao đổi (hoạt động SP) giữa những người SX với nhau

→ Phân công LĐXH làm cho những người SX liên hệ và phụ thuộc vào nhau, nó là cơ sở của SXHH. Phân công LĐXH càng phát triển thì SX và trao đổi HH càng mở rộng và đa dạng hơn

- Thứ hai, có sự tách biệt tương đối về các mặt KT giữa những người SX. Tức là những người SX tương đối độc lập với nhau về KT. Điều đó làm cho mỗi người có quyền chi phối SP của mình, có quyền đem SP của mình trao đổi với SP của người khác. Người khác muốn có SP đó phải trao đổi dưới hình thức hàng hóa

Tính độc lập này trong lịch sử do chế độ tư hữu về TLSX quy định (ai sở hữu về TLSX thì sở hữu SP). Trong điều kiện đó các chủ thể KT muốn tiêu dùng SP của nhau họ phải thông qua trao đổi, mua bán

Còn trong điều kiện của nền KT hiện đại, sự tách biệt này còn do các hình thức sở hữu khác nhau về TLSX và sự tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với TLSX quy định. Khi SP không thuộc về sở hữu chung người này muốn tiêu dùng SP của người khác cần phải thông qua trao đổi hàng hóa

Đó là 2 điều kiện khách quan để KTHH ra đời và tồn tại

⇒ Những hình thức đầu tiên của SXHH xuất hiện từ thời kỳ tan rã của chế độ công xã nguyên thủy, tồn tại và phát triển ở các PTSX tiếp theo

SXHH phát triển cao nhất, phổ biến nhất trong CNTB và trở thành hình thức SXHH điển hình, nổi bật trong lịch sử

SXHH tiếp tục tồn tại và phát triển dưới CNXH vì dưới CNXH còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau và trình độ phân công LĐXH ngày càng phát triển. Như vậy, SXHH xuất hiện rồi tồn tại và phát triển ở nhiều XH, là SP của lịch sử PTSX của loài người

Câu 2: Phân tích 2 thuộc tính của hàng hóa

DVD: HH là một vật phẩm của LĐ có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người và đi vào tiêu dùng thông qua trao đổi. Vì vậy, không phải bất kỳ vật phẩm nào cũng là HH. Những vật phẩm thi vào tiêu dùng không thông qua trao đổi thì không phải là HH. Chẳng hạn, thóc của người nông dân SX để tiêu dùng cho bản thân họ thì không phải là HH, nhưng nếu thóc đó được đem đi bán thì nó là HH. HH có 2 thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.

- Giá trị sử dụng của HH là công dụng của HH có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. VD: xe máy, xe đạp,... dùng để đi lại
Đặc trưng của giá trị sử dụng:
 - + HH có một hay nhiều công dụng và chính công dụng đó làm cho HH có giá trị sử dụng

- + Cơ sở của giá trị sử dụng của HH là do thuộc tính tự nhiên quy định. Vì vậy giá trị sử dụng là một phạm trù vĩnh viễn. Giá trị sử dụng được phát hiện dần trong quá trình phát triển của khoa học, kỹ thuật và LLSX. VD than khi xưa chỉ dùng làm chất đốt, nhưng ngày nay than không những là chất đốt mà còn là nhiên liệu cho công nghiệp hóa chất,... XH ngày càng tiến bộ, KHKT, phân công LĐXH và LLSX càng phát triển thì số lượng giá trị sử dụng càng nhiều, chủng loại càng phong phú, chất lượng càng cao
- + Giá trị sử dụng chỉ được thực hiện trong việc sử dụng hay tiêu dùng nó. Khi chưa tiêu dùng giá trị sử dụng chỉ ở trạng thái khả năng. Để giá trị sử dụng có khả năng biến thành giá trị sử dụng hiện thực, nó phải được tiêu dùng. Điều này nói lên ý nghĩa của tiêu dùng đối với SX
- + Giá trị sử dụng tạo thành nội dung vật chất của của cải. Vì thế, của cải của XH về mặt vật chất là một lượng giá trị sử dụng nhất định
- + Trong nền SXHH giá trị sử dụng của HH là thuộc tính gắn liền với vật thể HH, nhưng giá trị sử dụng không phải là giá trị sử dụng cho người SX HH mà là giá trị sử dụng cho người khác, cho XH. Giá trị sử dụng đến tay người khác, người tiêu dùng phải thông qua trao đổi, giá trị sử dụng của HH là một vật mang giá trị trao đổi
- Giá trị của HH: muốn hiểu được giá trị HH phải đi từ giá trị trao đổi
 - + Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, một tỷ lệ trao đổi giữa các giá trị sử dụng với nhau. VD 1m vải = 10kg thóc. Sở dĩ, vải và thóc là 2 HH có giá trị sử dụng khác nhau có thể trao đổi được với nhau theo 1 tỷ lệ nhất định vì vải và thóc đều là SP của lao động, có cơ sở chung là sự hao phí lao động của con người. Sự hao phí lao động đó chính là giá trị của HH
 - + Giá trị HH là lao động XH của người SXHH kết tinh trong HH đó. Do đó, giá trị là cơ sở của giá trị trao đổi, còn giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện của giá trị
- Đặc trưng của giá trị HH:
 - Giá trị là một phạm trù lịch sử (chỉ tồn tại ở những phương thức SX có SX và trao đổi HH)
 - Giá trị HH biểu hiện quan hệ KT giữa những người SXHH dựa trên chế độ tư hữu về TLSX, quan hệ kinh tế giữa người với người biểu hiện thành quan hệ giữa vật với vật
 - Về mặt phương pháp, ta đi từ giá trị trao đổi, nghĩa là đi từ bên ngoài, từ cái đơn giản, dễ thấy dễ lần mò ra vết tích của giá trị, nghĩa là cái bản chất bên trong của sự vật hiện tượng. Giá trị trao đổi chỉ là hình thức biểu hiện của giá trị: giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi. Giá trị thay đổi thì giá trị trao đổi cũng thay đổi theo
- KL: Nghiên cứu mqh giữa 2 thuộc tính của HH rút ra kết luận:
 - + Là HH thông thường hay HH đặc biệt đều có 2 thuộc tính: giá trị SD và giá trị HH, thiếu 1 trong 2 cái thì không phải là HH
 - + Hai thuộc tính là sự thống nhất trong mâu thuẫn:

Thống nhất vì do cùng một LĐSX ra HH, cùng tồn tại trong 1 hàng hóa, thiếu 1 trong 2 thuộc tính đó thì không phải là HH

Mâu thuẫn thể hiện ở chỗ:

 - Thứ nhất, với tư cách là giá trị SD thì các HH không đồng nhất về chất (khác nhau về công dụng) nhưng ngược lại với tư cách là giá trị thì các HH lại đồng nhất về chất, tức là đều là sự kết tinh của lao động hay là giống nhau vì hao phí lao động làm ra
 - Thứ hai, tuy giá trị HH và giá trị SD cùng tồn tại trong một HH nhưng quá trình thực hiện chúng lại khác nhau về không gian và thời gian: giá trị được thực hiện trước trên thị trường (muốn sử dụng phải trả tiền). Giá trị SD được thực hiện sau trong tiêu dùng. Mục đích của người SXHH là giá trị, song họ lại phải tạo ra giá trị SD để bán và chỉ khi bán được hàng họ mới thu được giá trị HH. Người cần giá trị SD phải trả giá trị cho người SX ra nó hay thực hiện giá trị HH và giá trị SD là khác nhau về không gian và thời gian. Quá trình thực hiện giá trị HH được tiến hành trước trên thị trường. Do đó nếu giá trị HH không được thực hiện thì sẽ dẫn đến khủng hoảng SX thừa

Câu 3: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của một đơn vị HH

Tất cả những yếu tố ảnh hưởng tới thời gian LĐXH cần thiết đều đến lượng giá trị hàng hóa. Trong đó có 3 nhân tố cơ bản: năng suất lao động, cường độ lao động và mức độ giản đơn hay phức tạp của lao động

- Năng suất lao động: là năng lực sản xuất của lao động, có được tính bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc số lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị SP
- + Có 2 loại NSLĐ: NSLĐ cá biệt và NSLĐ xã hội nhưng chỉ có NSLĐ xã hội có ảnh hưởng đến giá trị XH của HH vì trên thị trường, HH được trao đổi không phải theo giá trị cá biệt mà theo giá trị XH

- + NSLĐ lại tùy thuộc và nhiều nhân tố như: trình độ khéo léo của người LĐ, sự phát triển của KHKT và trình độ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào SX, sự kết hợp XH của SX, hiệu quả của TLSX và các điều kiện tự nhiên
- + Ảnh hưởng của NSLĐ tới lượng giá trị HH: NSLĐ XH càng tăng, thời gian LĐXH cần thiết để SX ra HH càng giảm, lượng giá trị của một đơn vị SP càng ít. Ngược lại, NSLĐ XH càng giảm thì thời gian LĐXH cần thiết để SX ra HH càng tăng và lượng giá trị của một đơn vị SP càng nhiều. Lượng giá trị của một đơn vị HH tỉ lệ thuận với số lượng LĐ kết tinh và tỉ lệ nghịch với NSLĐ XH. Như vậy, muốn giảm giá trị của mỗi đơn vị HH xuống, thì ta phải tăng NSLĐ XH
- Cường độ lao động: là khái niệm nói lên mức độ khẩn trương, là sự căng thẳng mệt mỏi của người LĐ
- + Ảnh hưởng của CĐLĐ đến lượng giá trị HH: khi CĐLĐ tăng lên, thì lượng LĐ hao phí trong cùng một đơn vị thời gian cũng tăng lên và lượng SP được tạo ra cũng tăng lên tương ứng còn lượng giá trị của một đơn vị SP thì không đổi. Xét về bản chất, tăng CĐLĐ cũng giống như kéo dài thời gian LĐ
- Mức độ phức tạp của lao động
- + Mức độ phức tạp của LĐ cũng ảnh hưởng nhất định đến lượng giá trị của HH. Theo mức độ phức tạp của LĐ có thể chia LĐ thành LĐ giản đơn và LĐ phức tạp
- + LĐ giản đơn là sự hao phí LĐ một cách giản đơn mà bất kỳ một người bình thường nào có khả năng LĐ cũng có thể thực hiện được. LĐ phức tạp là LĐ đòi hỏi phải được đào tạo, huấn luyện thành LĐ lành nghề. Trong cùng một đơn vị thời gian LĐ như nhau, LĐ phức tạp tạo ra được nhiều giá trị hơn so với LĐ giản đơn
- + Trong nền sản xuất HH, hoạt động trao đổi diễn ra liên tục, phức tạp. Để thuận tiện cho trao đổi, người ta lấy LĐ giản đơn trung bình làm đơn vị trao đổi và quy tất cả LĐ phức tạp thành LĐ giản đơn trung bình. Như vậy, lượng giá trị của HH được đo bằng thời gian LĐXH cần thiết, giản đơn trung bình

Câu 4: Phân tích quy luật giá trị

- Quy luật giá trị là quy luật kinh tế căn bản của SX và lưu thông HH, ở đâu có SX và trao đổi HH thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị
 - Yêu cầu của quy luật giá trị
 - + Thứ nhất, theo quy luật này, SX HH được thực hiện theo hao phí LĐXH cần thiết, nghĩa là cần tiết kiệm lao động (cả LĐ quá khứ và LĐ sống) nhằm: đối với một HH thì giá trị của nó phải nhỏ hơn hoặc bằng thời gian LĐXH cần thiết để SX ra HH đó, tức là giá cả thị trường của HH
 - + Thứ hai, trong trao đổi phải tuân theo nguyên tắc ngang giá, nghĩa là phải đảm bảo bù đắp được chi phí người SX (tất nhiên chi phí đó phải dựa trên cơ sở thời gian LĐXH cần thiết, chứ không phải bất kỳ chi phí cá biệt nào) và đảm bảo có lãi để tái SX mở rộng
 - Sự tác động, hay biểu hiện sự hoạt động của quy luật giá trị được thể hiện thông qua sự vận động của giá cả HH. Vì giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị, nên trước hết giá cả phụ thuộc vào giá trị. Trên thị trường, ngoài giá trị giá cả còn phụ thuộc vào các nhân tố như cạnh tranh, cung - cầu, sức mua của đồng tiền. Sự tác động của các nhân tố này làm cho giá cả HH trên thị trường tách rời giá trị và lên xuống xoay quanh trục giá trị của nó. Sự vận động giá cả thị trường của HH xoay quanh trục giá trị của nó hình thành là cơ chế hoạt động của quy luật giá trị. Thông qua sự vận động của giá cả thị trường mà quy luật giá trị phát huy tác dụng
 - Tác động của quy luật giá trị
 - + Thứ nhất, điều tiết SX và lưu thông HH
- Điều tiết SX tức là điều hòa, phân bổ các yếu tố SX giữa các ngành, các lĩnh vực của nền KT. Tác động này của quy luật giá trị thông qua sự biến động của giá cả HH trên thị trường dưới tác động của quy luật cung - cầu
- Nếu cung < cầu, thì giá cả > giá trị, nghĩa là HH SX có lãi, bán chạy. Giá cả > giá trị sẽ kích thích mở rộng và đẩy mạnh SX để tăng cung, ngược lại cầu giảm vì giá tăng
 - Nếu cung > cầu, SP SX ra quá nhiều so với nhu cầu, giá cả < giá trị, HH khó bán, SX không có lãi. Thực tế đó, tự người SX ra quyết định ngừng hoặc giảm SX, ngược lại, giá giảm sẽ kích thích tăng cầu, tự nó là nhân tố làm cho cung tăng
 - Cung cầu tạm thời cân bằng, giá cả trùng hợp với giá trị. Bề mặt nền kinh tế người ta thường gọi là “bão hòa”

Tuy nhiên, nền KT luôn luôn vận động, do đó quan hệ giá cả và cung cầu cũng thường xuyên biến động liên tục

Như vậy, sự tác động trên của quy luật giá trị đã dẫn đến sự di chuyển sức LĐ và TLSX giữa các ngành SX khác nhau. Đây là vai trò điều tiết SX của quy luật giá trị

Điều tiết lưu thông của quy luật giá trị cũng thông qua diễn biến giá cả trên thị trường. Sự biến động của giá cả thị trường cũng có tác dụng thu hút luồng hàng từ nơi giá cả thấp đến nơi giá cả cao, do đó làm cho lưu thông HH

thông suốt. Như vậy, sự biến động của giá cả trên thị trường không những chỉ rõ sự biến động về KT, mà còn có tác động điều tiết nền KT HH

- + Thứ hai, kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa SX, tăng NSLĐ, thúc đẩy LLSX XH phát triển
Trong nền KT HH, mỗi người SX HH là một chủ thể KT độc lập, tự quyết định hoạt động SX kinh doanh của mình. Nhưng do điều kiện SX khác nhau nên hao phí LĐ cá biệt của mỗi người khác nhau, người SX nào có hao phí LĐ cá biệt < hao phí LĐXH của HH ở thế có lợi sẽ thu được lãi cao. Người SX nào có hao phí LĐ cá biệt > hao phí LĐXH cần thiết sẽ ở thế bất lợi, lỗ vốn. Để giành lợi thế trong cạnh tranh, và tránh nguy cơ vỡ nợ, phá sản, họ phải hạ thấp hao phí LĐ cá biệt của mình sao cho bằng hao phí LĐXH cần thiết. Muốn vậy, họ phải luôn tìm cách cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức quản lý, thực hiện tiết kiệm chặt chẽ, tăng NSLĐ. Sự cạnh tranh quyết liệt càng thúc đẩy quá trình này diễn ra mạnh mẽ hơn, mang tính xã hội. Kết quả là lực lượng SX XH được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ
- + Thứ ba, thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hóa người SX HH thành người giàu, người nghèo
Quá trình cạnh tranh theo đuổi giá trị tất yếu dẫn đến kết quả là: những người có điều kiện SX thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, tranh bị kỹ thuật tốt nên có hao phí LĐ cá biệt thấp hơn hao phí LĐXH cần thiết, nhờ đó phát tài, giàu lên nhanh chóng. Họ mua sắm thêm TLSX, mở rộng SX kinh doanh. Ngược lại, những người không có điều kiện thuận lợi, làm ăn kém cỏi, hoặc gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn đến phá sản trở nên nghèo khó

⇒ Như vậy, quy luật giá trị vừa có tác động tiêu cực, vừa có tác động tích cực. Những tác động của quy luật giá trị trong nền KT HH có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hết sức to lớn: một mặt quy luật giá trị chi phối sự lựa chọn tự nhiên, đào thải các yếu kém, kích thích các nhân tố tích cực phát triển; mặt khác, phân hóa XH thành kẻ giàu người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội

Câu 5: Trình bày các phương pháp SX giá trị thặng dư dưới CNTB

Mục đích của các nhà tư bản là SX ra giá trị thặng dư tối đa, Vì vậy, các nhà tư bản dùng nhiều phương pháp để tăng tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư. Khái quát có 2 phương pháp để đạt được mục đích đó là SX giá trị thặng dư tuyệt đối và SX giá trị thặng dư tương đối

a. Phương pháp SX giá trị thặng dư tuyệt đối

Trong giai đoạn phát triển đầu tiên của SX TBCN, khi kỹ thuật còn thấp, tiến bộ chậm chạp thì phương pháp chủ yếu để tăng giá trị thặng dư là kéo dài ngày LĐ của công nhân

SX giá trị thặng dư tuyệt đối là phương pháp SX ra giá trị thặng dư được thực hiện trên cơ sở kéo dài tuyệt đối và giá trị thặng dư được SX ra bằng phương pháp này đgl giá trị thặng dư tuyệt đối

VD: Giả sử, ngày LĐ là 8h, trong đó 4h là thời gian LĐ tất yếu và 4h là thời gian LĐ thặng dư. Do đó, tỷ suất giá trị thặng dư là: $m' = \frac{4}{4} \times 100\% = 100\%$. Giả sử nhà tư bản kéo dài ngày LĐ thêm 2h, trong thời gian tất yếu không

thay đổi, vẫn là 4h. Do đó, tỷ số giá trị thặng dư là: $m' = \frac{4}{6} \times 100\% = 150\%$. Như vậy, khi kéo dài tuyệt đối ngày LĐ trong điều kiện thời gian LĐ tất yếu không thay đổi, thì thời gian LĐ thặng dư tăng lên, nên tỷ suất giá trị thặng dư tăng lên. Trước đây, tỷ suất giá trị thặng dư là 100% thì bây giờ là 150%

Các nhà tư bản tìm mọi cách kéo dài ngày LĐ, nhưng ngày LĐ có những giới hạn nhất định. Giới hạn trên của ngày LĐ do thể chất và tinh thần của người LĐ quyết định. Vì công nhân phải có thời gian ăn, ngủ, nghỉ, giải trí để hồi phục sức khỏe. Việc kéo dài người LĐ còn vấp phải sự phản kháng của GCCN. Còn giới hạn dưới của ngày LĐ không thể bằng thời gian LĐ tất yếu, tức là thời gian LĐ thặng dư bằng không. Như vậy, về mặt KT, ngày LĐ phải dài hơn thời gian LĐ tất yếu, nhưng không thể vượt quá giới hạn về thể chất và tinh thần của người LĐ

Trong phạm vi giới hạn nói trên, độ dài của ngày LĐ là một đại lượng không cố định và có nhiều mức khác nhau. Độ dài cụ thể của ngày LĐ do cuộc đấu tranh giữa GCCN và GCTS trên cơ sở tương quan lực lượng quyết định. Cuộc đấu tranh của GCCN đòi hỏi ngày LĐ tiêu chuẩn, ngày làm 8h đã kéo dài hàng thế kỷ

b. Phương pháp SX giá trị thặng dư tương đối

Việc kéo dài ngày LĐ bị giới hạn về thể chất và tinh thần của người LĐ vấp phải cuộc đấu tranh ngày càng mạnh mẽ của GCCN. Mặt khác, khi SX TBCN phát triển đến giai đoạn đại công nghiệp cơ khí, kỹ thuật đã tiến bộ làm cho NSLĐ tăng lên nhanh chóng, thì các nhà tư bản chuyển sang phương thức bóc lột dựa trên cơ sở tăng NSLĐ, tức là bóc lột giá trị thặng dư tương đối

SX giá trị thặng dư tương đối là phương pháp SX ra giá trị thặng dư được thực hiện bằng cách rút ngắn thời gian LĐ tất yếu lại để kéo dài một cách tương ứng thời gian LĐ thặng dư trên cơ sở tăng NSLĐ XH trong điều kiện độ dài ngày LĐ không đổi. Giá trị thặng dư được SX ra bằng phương pháp này đgl giá trị thặng dư tương đối

VD: Giả sử ngày LĐ là 8 giờ và nó được chia thành 4 giờ là thời gian LĐ tất yếu và 4 giờ là thời gian LĐ thặng dư. Do đó, tỷ suất giá trị thặng dư là: $m' = \frac{4}{4} \times 100\% = 100\%$. Giả sử rằng ngày LĐ không thay đổi, nhưng bây giờ công nhân chỉ cần 3h LĐ đã tạo ra được một giá trị mới bằng với giá trị LĐ của mình. Do đó, tỷ lệ phân chia ngày LĐ sẽ thay đổi 3h là thời gian LĐ tất yếu và 5h là thời gian LĐ thặng dư. Do đó, bây giờ tỷ suất giá trị thặng dư sẽ là: $m' = \frac{5}{3} \times 100\% = 166\%$. Như vậy, tỷ suất giá trị thặng dư đã tăng từ 100% lên 166%

Thời gian LĐ tất yếu có quan hệ với giá trị sức LĐ. Muốn rút ngắn thời gian LĐ tất yếu phải giảm giá trị sức LĐ. Muốn hạ thấp giá trị sức LĐ phải giảm giá trị những tư liệu sinh hoạt thuộc phạm vi tiêu dùng của công nhân. Điều đó chỉ có thể thực hiện được bằng cách tăng NSLĐ trong các ngành SX ra những tư liệu sinh hoạt thuộc phạm vi tiêu dùng của công nhân và tăng NSLĐ trong các ngành SX ra TLSX để SX ra các tư liệu sinh hoạt đó, tức là tăng NSLĐ XH

Hai phương pháp SX giá trị thặng dư nói trên được các nhà tư bản sử dụng kết hợp với nhau để nâng cao trình độ bóc lột công nhân làm thuê trong quá trình phát triển của CNTB. Dưới CNTB, việc áp dụng máy móc không phải là để giảm nhẹ CĐLĐ của công nhân, mà trái lại tạo điều kiện để tăng CĐLĐ. Ngày nay, việc tự động hóa SX làm cho CĐLĐ tăng lên, nhưng dưới hình thức mới, sự căng thẳng của thần kinh thay thế cho CĐLĐ cơ bắp

Câu 6: Phân tích quy luật giá trị thặng dư

Mỗi phương thức SX có một quy luật KT tuyệt đối, quy luật phản ánh mqh KT, bản chất nhất của phương thức SX đó. Quy luật giá trị thặng dư là quy luật KT cơ bản của CNTB bởi vì nó ra đời và tồn tại cùng với sự ra đời và tồn tại của CNTB. Nó quy định bản chất của nền SX TBCN, chi phối mọi mặt đời sống KT của XHTB

- Nội dung quy luật: SX nhiều và ngày càng nhiều hơn giá trị thặng dư bằng cách tăng cường bóc lột CN làm thuê
- Vai trò của quy luật:
 - + Nó quyết định mục đích bản chất nguyên tắc phân phối cơ bản và phương hướng phát triển TLSX CNTB
 - + Chi phối các quy luật KT khác, hướng sự hoạt động của các quy luật KT vào phục vụ cho quy luật giá trị thặng dư
 - + Tác động mạnh mẽ đến đời sống XHTB, một mặt nó thúc đẩy KT, phân công LĐXH làm cho LLSX phát triển NSLĐ tăng lên nhanh chóng và nền SX XH được XH hóa cao. Mặt khác, làm cho mâu thuẫn vốn có của CNTB mà trước hết mâu thuẫn giữa tính chất và trình độ của LLSX ngày càng gay gắt, quy định xu hướng lịch sử tất yếu phải thay thế CNTB bằng một XH tốt đẹp hơn đó là CNXH

⇒ CNTB ngày nay có những điều chỉnh nhất định về quan hệ SX nhưng SX TBCN không vì thế mà không còn là SX giá trị thặng dư. Tuy nhiên, SX giá trị thặng dư ngày nay có những đặc điểm mới :

- + Một là, do KTCN hiện đại được áp dụng rộng rãi nên khối lượng giá trị thặng dư được tạo ra chủ yếu nhờ tăng NSLĐ. Việc tăng NSLĐ do áp dụng KT và CN hiện đại có đặc điểm là chi phí LĐ sống trong một đơn vị SP giảm nhanh. Vì máy móc hiện đại thay thế được nhiều LĐ sống hơn
- + Hai là, cơ cấu LĐ ở các nước TB hiện nay có sự biến đổi lớn do áp dụng rộng rãi KT và CN hiện đại nên LĐ phức tạp, LĐ trí tuệ tăng lên và thay thế LĐ cơ bắp, LĐ giản đơn. Do đó, LĐ trí tuệ, LĐ có trình độ cao ngày càng có vai trò quyết định trong việc SX ra giá trị thặng dư. Chính nhờ sử dụng LLLĐ này mà ngày nay tỉ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư tăng lên rất nhiều
- + Ba là, sự bóc lột của các nước TB phát triển trên phạm vi quốc tế ngày càng được mở rộng dưới nhiều hình thức: xuất khẩu TB, trao đổi HH không ngang giá với các nước đang phát triển. Do đó mà các nước phát triển thu được trong mấy chục năm qua tăng lên rất nhiều, sự cách biệt giàu nghèo tăng trở thành mâu thuẫn nổi bật trong thời điểm hiện nay. Các nước TB phát triển đã bòn rút chất xám, hủy hoại môi sinh cũng như cội rễ đời sống văn hóa của các nước lạc hậu, chậm phát triển

Câu 7 : Phân tích thực chất tích lũy TB và các nhân tố quyết định quy mô tích lũy

- a. Thực chất tích lũy TB là tích lũy giá trị thặng dư để biến giá trị thặng dư sang công cụ bóc lột nhiều hơn nữa. Để hiểu rõ thực chất của tích lũy TB phải phân tích quá trình tái SX TBCN. Tái SX có 2 hình thức :
- Tái SX giản đơn là quá trình SX lặp lại với quy mô cũ
 - Tái SX mở rộng là quá trình SX lặp lại với quy mô lớn hơn trước

Nguồn gốc của tích lũy TB là giá trị thặng dư, là kết quả LĐ không được trả công của GCCN

b. Nhân tố quyết định quy mô tích lũy

- Quá trình tái SX TBCN diễn ra liên tục, do đó quy mô tích lũy TB cũng không ngừng tăng lên. Việc xem xét những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy TB phải được chia làm 2 trường hợp
- + Một là, trường hợp khối lượng giá trị thặng dư không đổi thì quy mô của tích lũy TB phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia khối lượng giá trị thặng dư đó thành 2 quỹ : quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng của nhà TB. Đương nhiên tỷ lệ quỹ này tăng lên thì tỷ lệ dành cho quỹ kia sẽ giảm đi
- + Hai là, nếu tỷ lệ phân chia đó đã được xác định, thì quy mô của tích lũy TB phụ thuộc vào khối lượng giá trị thặng dư

Khối lượng giá trị thặng dư phụ thuộc vào các nhân tố :

- * Trình độ bóc lột sức LĐ bằng những biện pháp tăng CĐLĐ, kéo dài ngày LĐ, cắt xén tiền công của công nhân. Điều đó có nghĩa là thời gian công nhân sáng tạo ra giá trị càng được kéo dài ra nhưng chi phí càng được cắt giảm, do vậy khối lượng giá trị thặng dư càng lớn và quy mô của tích lũy TB càng lớn
- * Trình độ NSLĐ XH : nếu NSLĐ tăng lên thì giá cả TLSX và tư liệu sinh hoạt giảm xuống. Sự giảm này đem lại 2 hệ quả:
 - Thứ nhất, với khối lượng giá trị thặng dư nhất định, phần dành cho tích lũy có thể tăng lên, nhưng tiêu dùng của các nhà TB không giảm, thậm chí có thể cao hơn trước
 - Thứ hai, một giá trị thặng dư nhất định dành cho tích lũy có thể chuyển hóa thành một khối lượng TLSX và sức LĐ phụ thêm lớn hơn trước

Như vậy, NSLĐ tăng lên sẽ có thêm những yếu tố vật chất để biến giá trị thặng dư thành TB mới, nên làm tăng quy mô của tích lũy

- + Sự chênh lệch giữa TB được sử dụng và TB đã tiêu dùng

Trong quá trình SX, TLLĐ tham gia toàn bộ vào quá trình SX, nhưng giá trị của chúng lại chỉ bị khấu hao từng phần. Như vậy, là mặc dù đã mất dần giá trị nhưng trong suốt thời gian hoạt động, máy móc vẫn có tác dụng như khi còn đủ giá trị. Sự hoạt động này của máy móc được xem như là sự phục vụ không công. Máy móc, thiết bị càng hiện đại thì sự chênh lệch giữa TB được sử dụng và TB đã tiêu dùng càng lớn, do đó sự phục vụ không công càng lớn, TB lợi dụng được những thành tựu của LĐ quá khứ càng nhiều, nhờ vậy quy mô của tích lũy TB càng lớn

- + Quy mô của TB ứng trước

Với trình độ bóc lột không thay đổi thì khối lượng giá trị thặng dư do khối lượng TB khả biến quyết định. Do đó, quy mô của TB ứng trước càng lớn, nhất là bộ phận TB khả biến thì khối lượng giá trị thặng dư bóc lột được càng nhiều, tạo điều kiện tăng thêm quy mô của tích lũy TB.

Từ sự nghiên cứu bốn nhân tố quyết định quy mô tích lũy TB có thể rút ra nhận xét chung là để tăng quy mô tích lũy TB cần khai thác tốt nhất LL LĐXH, tăng NSLĐ, sử dụng triệt để công suất của máy móc, thiết bị và tăng quy mô vốn đầu tư ban đầu.

Câu 8 : Phân tích nguyên nhân ra đời, bản chất của CNTB độc quyền

a. Nguyên nhân ra đời

CNTB độc quyền NN ra đời do các nguyên nhân sau:

- Một là, sự phát triển của LLSX dẫn đến quy mô của nền KT ngày càng lớn, tính chất XH hóa của nền KT ngày càng cao đòi hỏi có sự điều tiết XH đối với SX và phân phối, một kế hoạch hoá tập trung từ một trung tâm. NN phải dùng các công cụ khác nhau để can thiệp, điều tiết nền KT như các công cụ về tài chính - tiền tệ, kế hoạch hóa, phát triển các xí nghiệp quốc doanh...
- Hai là, sự phát triển của phân công LĐXH đã làm xuất hiện một số ngành mà các tổ chức độc quyền TB tư nhân không thể hoặc không muốn kinh doanh vì đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm và ít lợi nhuận, nhất là các ngành thuộc kết cấu hạ tầng như năng lượng, giao thông vận tải, giáo dục, nghiên cứu khoa học cơ bản... NN TS trong khi đảm nhiệm kinh doanh những ngành đó, tạo điều kiện cho các tổ chức độc quyền tư nhân kinh doanh các ngành khác.
- Ba là, sự thống trị của độc quyền đã làm sâu sắc thêm sự đối kháng giữa GCTS với GCVS và NDLD. NN phải giải quyết những mâu thuẫn đó bằng các hình thức khác nhau như trợ cấp thất nghiệp, điều tiết thu nhập quốc dân, phát triển phúc lợi XH...
- Bốn là, cùng với xu thế quốc tế hoá đời sống KT, sự bành trướng của các liên minh độc quyền quốc tế vấp phải những hàng rào quốc gia dân tộc và xung đột lợi ích với các đối thủ trên thị trường thế giới. Tình hình đó đòi hỏi phải có sự điều tiết các quan hệ chính trị và kinh tế quốc tế của nhà nước.

- Ngoài ra, cuộc đấu tranh với CNXH hiện thực và tác động của cách mạng khoa học và công nghệ cũng đòi hỏi sự can thiệp trực tiếp của NN vào đời sống KT.

b. Bản chất của CNTB độc quyền

Tự do cạnh tranh sinh ra tích tụ và tập trung SX, tích tụ và tập trung SX phát triển đến một mức độ nào đó sẽ dẫn đến độc quyền

Câu 9: Phân tích đặc điểm KT cơ bản thứ nhất của CNTB độc quyền

Tập trung SX và các tổ chức độc quyền

- Tích tụ và tập trung SX cao dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền là đặc điểm KT cơ bản của CNĐQ
- Tổ chức độc quyền là tổ chức liên minh giữa các nhà TB lớn để tập trung trong tay phần lớn việc SX và tiêu thụ một số loại HH nào đó nhằm mục đích thu được lợi nhuận độc quyền cao
- Khi mới bắt đầu quá trình độc quyền hóa, các liên minh độc quyền hình thành theo liên kết ngang, nghĩa là mới chỉ liên kết những doanh nghiệp trong cùng một ngành, nhưng về sau theo mỗi liên hệ dây chuyền, các tổ chức độc quyền đã phát triển theo liên kết dọc, mở rộng ra nhiều ngành khác nhau. Những hình thức độc quyền cơ bản gồm:
 - + Cacten là hình thức tổ chức độc quyền giữa các nhà TB ký hiệp nghị thỏa thuận với nhau về giá cả, quy mô sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán,... Các nhà TB tham gia cacten vẫn độc lập về SX và thương nghiệp. Họ chỉ cam kết làm đúng hiệp nghị, nếu làm sai sẽ bị phạt tiền theo quy định của hiệp nghị. Vì vậy, cacten là độc quyền liên minh không vững chắc. Trong nhiều trường hợp, những thành viên thấy ở vào vị trí bất lợi đã rút ra khỏi cacten, làm cho cacten thường tan vỡ trước kỳ hạn
 - + Xanhđica là hình thức tổ chức độc quyền cao hơn, ổn định hơn cacten. Các xí nghiệp tham gia xanhđica vẫn giữ độc lập về SX, chỉ mất độc lập về lưu thông: mọi việc mua bán do một ban quản trị chung của xanhđica đảm nhận. Mục đích của xanhđica là thống nhất đầu mối mua và bán để mua nguyên liệu với giá rẻ, bán HH với giá đắt nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao
 - + Côngxoócxiom là hình thức tổ chức độc quyền có trình độ và quy mô lớn hơn các hình thức độc quyền trên. Tham gia côngxoócxiom không chỉ có các nhà TB lớn mà còn có cả các xanhđica, tởrót thuộc các ngành khác nhau nhưng liên quan với nhau về KT kỹ thuật. Với kiểu liên kết dọc như vậy, một côngxoócxiom có thể có hàng trăm xí nghiệp liên kết trên cơ sở hoàn toàn phụ thuộc về tài chính vào một nhóm TS kích xù
 - + Conson là hình thức tổ chức tập đoàn phổ biến nhất hiện nay. Conson không có tư cách pháp nhân, các thành viên trong conson vẫn giữ nguyên tính độc lập về mặt pháp lý. Mqh giữa các công ty thành viên trong conson dựa trên cơ sở những thỏa thuận về lợi ích chung Đó là những thỏa thuận về phát minh sáng chế nghiên cứu KH CN, hợp tác SX kinh doanh chặt chẽ và có hệ thống tài chính chung. Mục tiêu thành lập conson là tạo thế mạnh để phát triển kinh doanh nhằm hạn chế rủi ro, đồng thời hỗ trợ mạnh mẽ trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng CN mới, phương pháp quản lý hiện đại. Trong conson thường thành lập các công ty đóng vai trò là “công ty mẹ” điều hành hoạt động của conson. Các công ty thành viên thường hoạt động ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau và chúng có mqh gần gũi với nhau về CN SX
 - + Cônglômêrát là loại tập đoàn đa ngành, đa lĩnh vực. Các công ty thành viên ít có mqh CN SX gần gũi với nhau, thậm chí không có mqh nào về mặt CN SX. Loại hình này hình thành bằng cách thu hút cổ phần của những doanh nghiệp có lợi nhuận cao nhất, đặc biệt là các doanh nghiệp đang có tốc độ phát triển cao, nhưng có mqh chặt chẽ với nhau về mặt tài chính. Trong cônglômêrát không có ngành nghề nào là chủ chốt, chúng được hình thành bằng cách thu hút cổ phần của những công ty đang ở giai đoạn phát triển cao. Thông qua hoạt động mua bán chứng khoán trên thị trường, cơ cấu SX của cônglômêrát thường chuyển hướng tập trung vào những ngành nghề có lợi nhuận cao. Việc thôn tính dần các công ty có lãi xuất cao làm cho cơ cấu ngành nghề của tập đoàn thay đổi nhanh chóng. Đặc điểm cơ bản của hình thức tập đoàn KT này là huy động vốn thông qua phát hành chứng khoán và hoạt động của nó chủ yếu nhằm mở rộng phạm vi kiểm soát tài chính. Do đó, cônglômêrát có mối liên hệ rất chặt chẽ với ngân hàng

Câu 10: Phân tích đặc điểm Kt cơ bản thứ hai của CNTB độc quyền

TB tài chính và bọn đầu sở tài chính

- Cùng với quá trình tích tụ và tập trung SX trong CN cũng diễn ra quá trình tích tụ, tập trung TB trong ngân hàng, dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền trong ngân hàng
- Quy luật tích tụ, tập trung TB trong ngân hàng cũng giống như trong CN:
 - + Do quá trình cạnh tranh, các ngân hàng vừa và nhỏ bị thôn tính, dẫn đến hình thành những ngân hàng lớn

- + Khi SX trong ngành CN tích tụ ở mức độ cao, thì các ngân hàng nhỏ không đủ tiềm lực và uy tín phục vụ cho công việc kinh doanh của các xí nghiệp CN lớn. Các tổ chức độc quyền này tìm kiếm các ngân hàng lớn hơn, thích hợp với các điều kiện tài chính và tín dụng của mình. Trong điều kiện đó, các ngân hàng nhỏ phải tự sáp nhập vào các ngân hàng mạnh hơn, hoặc phải chấm dứt sự tồn tại của mình trước quy luật khốc liệt của cạnh tranh
- Sự xuất hiện, phát triển của các tổ chức độc quyền trong ngân hàng đã làm thay đổi quan hệ giữa TB ngân hàng và TB CN, làm cho ngân hàng bắt đầu có vai trò mới. Ngân hàng từ chỗ chỉ là trung gian trong việc thanh toán và tín dụng, nay đã nắm được hầu hết TB tiền tệ của XH nên có quyền lực vạn năng, khống chế mọi hoạt động của nền KT TBCN
- + Dựa trên địa vị người chủ cho vay, độc quyền ngân hàng cử đại diện của mình vào các cơ quan quản lý của độc quyền CN để theo dõi sự sử dụng tiền vay hoặc trực tiếp đầu tư vào CN
- + Trước sự khống chế và chi phối ngày càng xiết chặt của ngân hàng, một quá trình xâm nhập tương ứng trở lại của các độc quyền CN vào ngân hàng cũng diễn ra. Các tổ chức độc quyền CN cũng tham gia vào công việc của ngân hàng bằng cách mua cổ phần của ngân hàng lớn để chi phối hoạt động của ngân hàng, hoặc lập ngân hàng riêng phục vụ cho mình

Quá trình độc quyền hóa trong CN và trong ngân hàng xoắn quýt với nhau và thúc đẩy lẫn nhau làm nảy sinh một thứ TB mới, đgl TB tài chính

- TB tài chính là kết quả của sự hợp nhất giữa TB ngân hàng và một số ít ngân hàng độc quyền lớn nhất, với TB của những liên minh độc quyền các nhà TB CN
- Sự phát triển của TB tài chính dẫn đến sự hình thành một nhóm nhỏ độc quyền, chi phối toàn bộ đời sống KT và chính trị của toàn XHTB gọi là bọn đầu sỏ tài chính. Bọn đầu sỏ tài chính thiết lập sự thống trị của mình thông qua chế độ tham dự. Thực chất của chế độ tham dự là một nhà tài chính lớn, hoặc một tập đoàn tài chính nhờ có số cổ phiếu khống chế mà nắm được một công ty lớn nhất với tư cách là một công ty mẹ; công ty này lại mua được cổ phiếu khống chế, thống trị được công ty khác, gọi là công ty con, công ty con đến lượt nó lại chi phối các công ty chsu cũng bằng cách như thế... Nhờ có chế độ tham dự và phương pháp tổ chức tập đoàn theo kiểu móc xích như vậy, bằng một lượng TB đầu tư nhỏ, các nhà TB độc quyền tài chính có thể khống chế và điều tiết được một lượng TB lớn gấp nhiều lần
- Thống trị về nền KT là cơ sở để bọn đầu sỏ tài chính thống trị về chính trị và các mặt khác, về mặt chính trị, bọn đầu sỏ tài chính chi phối mọi hoạt động của các cơ quan NN, biến NN TS thành công cụ phục vụ lợi ích của chúng. Sự thống trị của bọn tài phiệt đã làm nảy sinh CN phát xít, CN quân phiệt và nhiều thứ chủ nghĩa phản động khác, cùng chạy đua vũ trang gây chiến tranh xâm lược để áp bức, bóc lột các nước đang phát triển và chậm phát triển

Câu 11: Phân tích đặc điểm KT cơ bản thứ 3 của CNTB độc quyền

Xuất khẩu tư bản

- Xuất khẩu TB là xuất khẩu giá trị ra nước ngoài (đầu tư TB ra nước ngoài) nhằm mục đích chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi nhuận khác ở các nước nhập khẩu TB
- Động cơ của xuất khẩu TB
 - + Một số ít nước phát triển đã tích lũy được một khối lượng TB lớn và có một số ‘TB thừa’ tương đối cần tìm nơi đầu tư có nhiều lợi nhuận so với đầu tư ở trong nước
 - + Nhiều nước lạc hậu về KT bị lôi cuốn vào sự giao lưu KT TG nhưng lại rất thiếu TB, giá ruộng đất tương đối thấp, tiền lương thấp, nguyên liệu rẻ, nên SX lợi nhuận cao, rất hấp dẫn đầu tư TB
- Xuất khẩu TB được thực hiện dưới hai hình thức chủ yếu
 - + Xuất khẩu TB hoạt động (đầu tư trực tiếp) hình thức xuất khẩu TB để xây dựng những xí nghiệp mới hoặc mua lại những xí nghiệp đang hoạt động ở nước nhận đầu tư, biến nó thành một chi nhánh của công ty mẹ chính quốc. Các xí nghiệp mới hình thành thường tồn tại dưới dạng hỗn hợp song phương hoặc đa phương, nhưng cũng có những xí nghiệp toàn bộ vốn là của công ty nước ngoài
 - + Xuất khẩu TB cho vay (đầu tư gián tiếp) là hình thức xuất khẩu TB được thực hiện dưới hình thức cho chính phủ, thành phố, hay một ngân hàng ở nước ngoài vay TB tiền tệ có thu lãi
- Thực hiện các hình thức xuất khẩu TB trên, xét về chủ sở hữu TB, có thể phân tích thành xuất khẩu TB tư nhân và xuất khẩu TB NN
 - + Xuất khẩu TB NN là NN TB độc quyền dùng nguồn vốn từ ngân quỹ của mình để đầu tư vào nước nhập khẩu TB; hoặc viện trợ có hoàn lại hay không hoàn lại để thực hiện những mục tiêu về T, chính trị và quân sự

Về KT, xuất khẩu TB NN thường hướng vào các ngành thuộc kết cấu hạ tầng để tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư của TB tư nhân. NN TB viện trợ không hoàn lại cho nước nhập khẩu TB để ký được những hiệp định thương mại và đầu tư có lợi

Về chính trị, viện trợ của NN TS thường nhằm duy trì vào bảo vệ chế độ chính trị ‘thân cận’ đã bị lung lay ở các nước nhập khẩu TB, tăng cường sự phụ thuộc của các nước đó vào các nước đế quốc, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, tạo điều kiện cho tư nhân xuất khẩu TB

Về quân sự, viện trợ của NN TS nhằm lôi kéo các nước phụ thuộc vào khối quân sự hoặc buộc nhận viện trợ phải cho các nước xuất khẩu lập căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình

- + Xuất khẩu TB tư nhân là hình thức xuất khẩu TB do tư nhân thực hiện. Hình thức này có đặc điểm cơ bản là nó thường được đầu tư vào những ngành KT có vòng quay TB ngắn và thu được lợi nhuận độc quyền cao, dưới hình thức các hoạt động cấm nhánh của các công ty xuyên quốc gia

Việc xuất khẩu TB là sự mở rộng quan hệ SX TBCN ra nước ngoài, là công cụ chủ yếu để bành trướng sự thống trị, bóc lột, nô dịch của TB tài chính trên phạm vi toàn TG

Câu 12 : Thành tựu, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB

a. Thành tựu của CNTB

Trong quá trình phát triển, nếu chưa xét đến hậu quả nghiêm trọng CNTB đã gây ra đối với loài người, thì CNTB vẫn có những mặt tích cực đối với SX. Đó là :

- Sự ra đời của CNTB đã giải phóng loài người khỏi ‘đêm trường trung cổ’ của XHPK, đoạn tuyệt với nền KTTN, tự túc, tự cấp chuyển sang phát triển KT HH TBCN, chuyển SX nhỏ thành SX lớn hiện đại
- Phát triển LLSX : quá trình phát triển của CNTB đã làm cho LLSX phát triển mạnh mẽ với trình độ KT và CN ngày càng cao, từ KT thi công lên KT cơ khí và ngày nay các nước TBCN cũng đang là những quốc gia đi đầu trong việc chuyển nền SX của nhân loại từ giai đoạn cơ khí hóa sang giai đoạn tự động hóa, tin học hóa và công nghệ hiện đại. Cùng với sự phát triển của KT và công nghệ là quá trình giải phóng sức LĐ, nâng cao hiệu quả khám phá và chinh phục thiên nhiên của con người, đưa nền KT của nhân loại bước vào một thời đại mới, thời đại của KT tri thức
- Thực hiện XH hóa SX : CNTB đã thúc đẩy nền SX HH phát triển mạnh và đạt tới mức điển hình nhất trong lịch sử, cùng với nó là quá trình XH hóa SX cả chiều rộng và chiều sâu. Đó là sự phát triển của phân công LĐXH, SX tập trung với quy mô hợp lý, chuyên môn hóa SX và hợp tác LĐ sâu sắc, mối liên hệ KT giữa các đơn vị , các ngành, các lĩnh vực ngày càng chặt chẽ là cho các quá trình SX phân tán được liên kết với nhau và phụ thuộc lẫn nhau thành một hệ thống, thành một quá trình SX XH
- CNTB thông qua một cuộc cách mạng CN đã lần đầu tiên biết tổ chức LĐ theo kiểu công xưởng, do đó đã xây dựng được tác phong CN cho người LĐ, làm thay đổi nề nếp, thói quen của người LĐ SX nhỏ trong XHPK
- CNTB lần đầu tiên trong lịch sử đã thiết lập nền dân chủ TS, nền dân chủ này tuy chưa phải là hoàn hảo, song ta với thể chất chính trị trong các XHPK, nô lệ, vẫn tiến bộ hơn rất nhiều vì nó được xây dựng trên cơ sở thừa nhận quyền tự do thân thể của cá nhân

b. Hạn chế của CNTB

Bên cạnh đóng góp tích cực nói trên, CNTB cũng có những hạn chế về mặt lịch sử. Nhưng hạn chế này được C.Mác và V.I.Lênin đề cập ngay từ trong lịch sử ra đời tồn tại và phát triển của CNTB

- Trước hết, về lịch sử ra đời của CNTB: như Mác đã phân tích CNTB ra đời gắn liền với quá trình tích lũy nguyên thủy của CNTB. Thực chất, đó là quá trình tích lũy tiền tệ nhờ vào những biện pháp ăn cướp, tước đoạt đối với những người SX HH nhỏ và nông dân tự do: nhờ vào hoạt động buôn bán, trao đổi không ngang giá qua đó mà thực hiện sự bóc lột, nô dịch đối với những nước lạc hậu. Về quá trình tích lũy nguyên thủy của chủ nghĩa tư bản. C.Mác cho rằng, đó là lịch sử đầy máu và bùn nhơ, không giống như một câu chuyện tình ca, nó được sử sách ghi chép lại bằng những trang đầm máu và lửa không bao giờ phai.
- Cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của CNTB là quan hệ bóc lột của nhà TB đối với CN làm thuê. Mặc dù so với các hình thức bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử, bóc lột TBCN cũng đã là một sự tiến bộ, song theo sự phân tích của C.Mác và V.I.Lênin thì chừng nào CNTB còn tồn tại thì chừng đó quan hệ bóc lột còn tồn tại và sự bất bình đẳng, phân hóa XH vẫn là điều không tránh khỏi.
- Các cuộc chiến tranh thế giới với mục đích tranh giành thị trường, thuộc địa và khu vực ảnh hưởng đã để lại cho loài người những hậu quả nặng nề: hàng triệu người vô tội đã bị giết hại, sức sản xuất của xã hội bị phá hủy, tốc độ phát triển kinh tế của thế giới bị kéo lùi lại hàng chục năm.

- Chủ nghĩa tư bản sẽ phải chịu trách nhiệm chính trong việc tạo ra hố ngăn cách giữa các nước giàu và các nước nghèo trên thế giới (thế kỷ XVIII chênh lệch về mức sống giữa nước giàu nhất và nước nghèo nhất mới chỉ là 2,5 lần, hiện nay số chênh lệch ấy là 250 lần).

Các cường quốc TB độc quyền hàng mấy thế kỷ nay đã tăng cường vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân công các nước nghèo và tìm cách khống chế họ trong vòng phụ thuộc thông qua các con đường xuất khẩu TB, viện trợ, cho vay... Kết quả là các nước nghèo không những bị cạn kiệt về tài nguyên mà còn mắc nợ không trả được, điển hình là các quốc gia ở châu Phi, Mỹ Latinh. Ở Braxin, người ta tính ra riêng số lãi mà Braxin phải trả trong năm 1988 bằng 288 triệu suất lương tối thiểu hay bằng khoản xây nhà cho 30 triệu người, trong khi đó ước tính khoảng 2/3 dân Braxin thiếu ăn.

c. Xu hướng vận động của CNTB

- Những thành tựu và hạn chế trên đây của CNTB bắt nguồn từ mâu thuẫn cơ bản của CNTB: mâu thuẫn giữa trình độ XH hóa cao của LLSX với quan hệ sở hữu tư nhân TBCN về TLSX.
- CNTB càng phát triển, trình độ XH hóa của LLSX ngày càng cao thì quan hệ sở hữu tư nhân TBCN về TLSX ngày càng trở nên chật hẹp so với nội dung vật chất ngày càng lớn lên của nó. Theo sự phân tích của C.Mác và V.I.Lênin, đến một chừng mực nhất định, quan hệ sở hữu tư nhân TBCN sẽ bị phá vỡ và thay vào đó là một quan hệ sở hữu mới - sở hữu xã hội (sở hữu công cộng) về TLSX được xác lập để đáp ứng yêu cầu phát triển của LLSX. Điều đó cũng có nghĩa là phương thức sản xuất TBCN sẽ bị thủ tiêu và một phương pháp sản xuất mới - phương thức sản xuất CSCN sẽ ra đời và phủ định phương thức sản xuất TBCN
- Tuy nhiên, những thay đổi của CNTB hiện nay nói lên rằng, CNTB vẫn đang tiếp tục điều chỉnh để thích ứng trước những biến động, mâu thuẫn bên trong và ngoài nước. Những điều chỉnh mới của CNTB ở trên đã cho chúng ta thấy, CNTB trước mắt vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển, mặc dù sự phát triển này không phải là vĩnh hằng và không phải là vô hạn. Do vậy, đồng thời với việc vững tin rằng CNTB và CNCS cuối cùng sẽ thay thế CNTB, cũng cần phải nhận thức đầy đủ về tính lâu dài của quá trình này, cần chuẩn bị kỹ càng cho khả năng cùng chung sống, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh với CNTB, đồng thời tham khảo kinh nghiệm của CNTB để xây dựng thành công nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Mặt khác, cũng phải nhận thức rằng CNTB trong quá trình phát triển của nó vẫn luôn luôn hàm chứa một nhân tố: tự hạn chế và tự phủ định do chính mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất TBCN sinh ra. Mặc dù CNTB ngày nay đã có điều chỉnh nhất định trong quan hệ sở hữu, quản lý và phân phối, và ở một chừng mực nhất định, sự điều chỉnh đó cũng đã phần nào làm giảm bớt tính gay gắt của mâu thuẫn này. Song tất cả những điều chỉnh ấy vẫn chưa vượt ra khỏi khuôn khổ của quan hệ SX TBCN. Vì vậy, mâu thuẫn vẫn không bị thủ tiêu, đối kháng về lợi ích trong quá trình SX vẫn còn đó, mâu thuẫn giai cấp vẫn tồn tại... Bên cạnh mâu thuẫn cơ bản vốn chưa giải quyết được lại xuất hiện thêm nhiều mâu thuẫn mới phát sinh, đẩy CNTB vào những khó khăn mới về kinh tế, chính trị, xã hội dưới nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Đó là mâu thuẫn giữa NLSX vô hạn với tiêu dùng và khả năng thanh toán hạn chế; mâu thuẫn giữa khả năng SX vô hạn với nguồn tài nguyên hạn chế; mâu thuẫn giữa nhu cầu nhất thể hóa kinh tế quốc tế và lợi ích quốc gia; mâu thuẫn giữa các nước CNTB trung tâm với các nước ngoại vi... Những mâu thuẫn này diễn ra đồng thời, vẫn là những thách thức và đe dọa sự tồn vong của CNTB

Tuy nhiên, như C.Mác và V.I.Lênin đã nhận định: ‘phương thức SX TBCN không tự diệt vong và phương thức SX CSCN cũng không tự phát hình thành mà phải được thực hiện thông qua cuộc cách mạng XH, trong đó giai cấp có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội này chính là GCCN

Câu 14: Phân tích 3 giai đoạn tuần hoàn của TB

Tư bản công nghiệp (với nghĩa các ngành SX vật chất), trong quá trình tuần hoàn đều vận động theo công thức:

Sự vận động này trải qua ba giai đoạn: hai giai đoạn lưu thông và một giai đoạn SX

- Giai đoạn thứ nhất: giai đoạn lưu thông:
Nhà TB xuất hiện trên thị trường các yếu tố SX để mua TLSX và sức LĐ.
Quá trình lưu thông đó được biểu thị như sau:

Giai đoạn này TB tồn tại dưới hình thái TB tiền tệ, chức năng giai đoạn này là mua các yếu tố cho quá trình SX, tức là biến TB tiền tệ thành TB SX

- Giai đoạn hai: giai đoạn SX

Trong giai đoạn này TB tồn tại dưới hình thái TB SX, có chức năng thực hiện sự kết hợp hai yếu tố TLSX và sức LĐ để SX ra HH là trong giá trị của nó có giá trị thặng dư. Trong các giai đoạn tuần hoàn của TB thì giai đoạn SX có ý nghĩa quyết định nhất, vì nó gắn trực tiếp với mục đích của nền SX TBCN

Kết thúc của giai đoạn thứ hai là TB SX chuyển hóa thành TB HH

- Giai đoạn thứ ba: giai đoạn lưu thông

H' - T'

Trong giai đoạn này TB tồn tại dưới hình thái TB HH, chức năng là thực hiện giá trị của khối lượng HH đã SX ra trong đó đã bao hàm một lượng giá trị thặng dư. Trong giai đoạn này, nhà TB trở lại thị trường với tư cách là người bán hàng. HH của nhà TT được chuyển hóa thành tiền

Kết thúc ba giai đoạn, TB HH chuyển hóa thành TB tiền tệ. Đến đây, mục đích của nhà TB đã được thực hiện, TB quay trở lại hình thái ban đầu trong tay chủ của nó nhưng với số lượng lớn hơn trước

Sự vận động của TB qua 3 giai đoạn nói trên là sự vận động có tính tuần hoàn: TB ứng ra dưới hình thái tiền và rồi đến khi quay trở về cũng dưới hình thái tiền có kèm theo giá trị thặng dư. Quá trình đó tiếp tục được lặp lại, lặp lại không ngừng đgl sự vận động tuần hoàn của TB

Vậy, tuần hoàn của TB là sự vận động liên tục của TB trải qua 3 giai đoạn, lần lượt mang 3 hình thái khác nhau, thực hiện 3 chức năng khác nhau để rồi lại quay trở về hình thái ban đầu có kèm theo giá trị thặng dư

Tuần hoàn của TB chỉ có thể tiến hành bình thường trong điều kiện các giai đoạn khác nhau của nó không ngừng được chuyển tiếp. Mặt khác, TB phải nắm lại ở mỗi giai đoạn tuần hoàn trong một thời gian nhất định. Hay nói cách khác, tuần hoàn của TB chỉ tiến hành một cách bình thường khi hai điều kiện sau đây thỏa mãn: một là, các giai đoạn của chúng diễn ra liên tục; hai là, các hình thái TB cùng tồn tại và được chuyển hóa một cách đều đặn. Vì vậy, TB là một sự vận động tuần hoàn của TB, là sự vận động liên tục không ngừng

Câu 16: Thế nào là TB bất biến, TB khả biến, TB cố định, TB lưu thông

- a. TB bất biến, TB khả biến

Muốn tiến hành SX, nhà TB phải ứng TB ra để mua TLSX và sức LĐ, tức là biến TB tiền tệ thành các yếu tố của quá trình SX, thành các hình thức tồn tại khác nhau của TBSX. Các bộ phận khác nhau đó của TB có vai trò khác nhau trong quá trình SX giá trị thặng dư

- Trước hết, xét bộ phận TB tồn tại dưới hình thức TLSX. TLSX có nhiều loại:

- + Có loại được sử dụng toàn bộ trong quá trình SX, nhưng chỉ hao mòn dần, do đó chuyển dần từng giá trị của nó vào SP như máy móc, thiết bị, nhà xưởng,...
- + Có loại khi đưa vào SX thì chuyển toàn bộ giá trị của nó trong một chu kỳ SX như nguyên liệu, nhiên liệu. Song, giá trị của bất kỳ TLSX nào cũng đều nhờ có LĐ cụ thể của công nhân mà được bảo toàn và di chuyển vào SP, nên giá trị đó không thể lớn hơn giá trị TLSX đã bị tiêu dùng để SX ra SP. Cái bị tiêu dùng của TLSX là giá trị sử dụng, kết quả của việc tiêu dùng đó là tạo ra một giá trị sử dụng mới. Giá trị TLSX được bảo toàn dưới dạng giá trị sử dụng mới chứ không phải là được SX ra

Khái niệm: bộ phận TB biến thành TLSX mà giá trị được bảo toàn và chuyển vào SP, không thay đổi về lượng giá trị của nó, được C.Mác gọi là TB bất biến, ký hiệu là c

- Xét bộ phận TB dùng để mua sức LĐ

- + Một mặt, giá trị của nó biến thành các tư liệu sinh hoạt của người công nhân và mất đi trong tiêu dùng của công nhân
- + Mặt khác, trong quá trình LĐ, bằng LĐ trừu tượng, công nhân tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân sức LĐ, nó bằng giá trị sức LĐ cộng với giá trị thặng dư

Như vậy, bộ phận TB dùng để mua sức LĐ đã không ngừng chuyển hóa từ đại lượng bất biến thành một đại lượng khả biến, tức là đã tăng lên về lượng trong quá trình SX

Khái niệm: bộ phận TB biến thành sức LĐ không tái hiện ra, nhưng thông qua LĐ trừu tượng công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là biến đổi về lượng, được C.Mác gọi là TB khả biến, ký hiệu là v

- Ý nghĩa: việc phân chia cặp phạm trù trên sẽ vạch rõ bản chất bóc lột của CNTB, chỉ có LĐ của công nhân làm thuê mới tạo ra giá trị thặng dư cho nhà TB
- b. TB cố định, TB lưu thông

TB SX gồm nhiều bộ phận và có thời gian chu chuyển khác nhau về mặt giá trị, do đó ảnh hưởng đến thời gian chu chuyển của toàn bộ TB. Căn cứ vào sự khác nhau trong phương thức chu chuyển về mặt giá trị nhanh hay chậm của các bộ phận TB để phân chia TB SX thành TB cố định và TB lưu động

 - TB cố định là bộ phận TB SX tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng,... tham gia toàn bộ vào quá trình, nhưng giá trị của nó không chuyển hết một lần vào SP mà chuyển dần từng phần theo mức độ hao mòn của nó trong thời gian SX

TB cố định được sử dụng lâu dài trong nhiều chu kỳ SX và bị hao mòn dần trong quá trình SX. Có hai loại hao mòn:

 - + Hao mòn hữu hình là hao mòn về vật chất, hao mòn về cơ học có thể nhìn thấy. Hao mòn hữu hình do quá trình sử dụng và sự tác động của tự nhiên làm cho các bộ phận của TB cố định dần dần hao mòn đi tới chỗ hỏng và phải được thay thế
 - + Hao mòn vô hình là sự hao mòn thuần túy về mặt giá trị. Hao mòn vô hình xảy ra ngay cả khi máy móc còn tốt nhưng bị mất giá vì xuất hiện các máy móc hiện đại hơn, rẻ hơn hoặc có giá trị tương đương, nhưng công suất cao hơn. Để tránh hao mòn vô hình, các nhà TB tìm cách kéo dài ngày LĐ, tăng CĐLĐ, tăng ca kíp làm việc,... nhằm tận dụng máy móc tổng thời gian càng ngắn càng tốt
 - TB lưu động là bộ phận tư sản SX tồn tại dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, sức LĐ,... Giá trị của nó được hoàn lại toàn bộ cho các nhà TB sau mỗi quá trình SX, khi HH được bán xong
 - Căn cứ để phân chia TB SX thành TB cố định và TB lưu động là phương thức chuyển dịch giá trị khác nhau của từng bộ phận TB trong quá trình SX
 - Ý nghĩa:
 - + Tăng tốc độ chu chuyển của TB cố định là một biện pháp quan trọng để tăng quỹ khấu hai tài sản cố định, làm cho lượng tư sản tăng lên tránh được thiệt hại hao mòn hữu hình do tự nhiên phá hủy và hao mòn vô hình gây ra. Nhờ đó, mà có điều kiện đổi mới thiết bị nhanh, nâng cao hiệu quả sử dụng TB
 - + TB lưu động chu chuyển nhanh hơn TB cố định. Việc tăng tốc độ chu chuyển của TB lưu động có ý nghĩa quan trọng. Một mặt, tốc độ chu chuyển của TB lưu động tăng lên sẽ làm tăng lượng TB lưu động được sử dụng trong năm, do đó tiết kiệm được TB ứng trước; mặt khác, do tăng tốc độ chu chuyển của TB lưu động khả biến làm cho tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư hằng năm tăng lên

Câu 17: Phân tích mâu thuẫn của công thức chung của TB

Trong công thức $T - H - T'$, trong đó $T' = T + \Delta T$. Các nhà KT học tư sản đã cố tình chứng minh rằng quá trình lưu thông đẻ ra giá trị thặng dư (ΔT), nhằm mục đích che giấu nguồn gốc làm giàu của các nhà TB. Thực ra trong lưu thông, dù người ta có trao đổi ngang giá hay không ngang giá thì cũng không tạo ra giá trị mới, do đó cũng không tạo ra giá trị thặng dư

Trường hợp trao đổi ngang giá:

Nếu HH được trao đổi ngang giá, thì chỉ có sự thay đổi hình thái của giá trị, từ tiền thành hàng và từ hàng thành tiền, còn tổng giá trị cũng như phần giá trị nằm trong tay mỗi bên tham gia trao đổi trước sau vẫn không thay đổi. Tuy nhiên, về mặt giá trị sử dụng thì cả hai bên trao đổi đều có lợi vì có được những HH thích hợp với nhu cầu của mình

Trường hợp trao đổi không ngang giá: có thể có 3 trường hợp xảy ra:

- Trường hợp thứ nhất, giả định rằng có một nhà TB nào đó có hành vi bán hàng hóa cao hơn giá trị 10% chẳng hạn. Giả sử HH của anh ta là 100 đồng sẽ được bán cao lên 110 đồng và do đó thu được 10 đồng giá trị thặng dư. Nhưng trong thực tế không có nhà TB nào lại chỉ đóng vai trò là người bán HH, mà lại không là người đi mua các yếu tố SX để SX ra các HH đó. Vì vậy, đến lượt anh ta là người mua, anh ta sẽ phải mua HH cao hơn giá trị 10%, vì các nhà TB khác bán các yếu tố SX cũng muốn bán cao hơn giá trị 10% để có lời. Thế là 10% nhà TB thu được khi là người bán sẽ mất đi khi anh ta là người mua. Hành vi bán hàng hóa cao hơn giá trị đã không hề mang lại một chút giá trị thặng dư nào
- Trường hợp thứ hai, giả định rằng lại có một nhà TB nào đó, có hành vi mua HH thấp hơn giá trị 10%, để đến khi bán HH theo giá trị anh ta thu được 10% là giá trị thặng dư. Trong trường hợp này cũng vậy, cái mà anh ta thu được do mua rẻ sẽ bị mất đi khi anh ta là người bán vì cũng phải bán thấp hơn giá trị thì các nhà TB khác mới mua. Rút cuộc giá trị thặng dư vẫn không được đẻ ra từ hành vi mua rẻ

- Trường hợp thứ ba, giả định trong XHTB lại có một kẻ giỏi bịp bợm, lừa lọc, bao giỡn hăn cũng mua được rẻ và bán được đắt. Nếu khi mua, hăn ta mua rẻ được 5 đồng, và khi bán hăn cũng bán được 5 đồng. Rõ ràng 10 đồng giá trị thặng dư mà hăn thu được là do trao đổi không ngang giá. Sự thực thì 5 đồng thu được do mua rẻ và 5 đồng hăn kiếm được do bán đắt cũng chỉ là số tiền hăn lừa gạt được người khác. Nhưng nếu xét chung cả XH, thì cái giá trị thặng dư mà hăn thu được lại chính là cái người khác mất đi, do đó tổng số giá trị HH trong XH không vì hành vi cướp đoạt, lừa gạt của hăn mà tăng lên. GCTS không thể làm giàu trên lưng bản thân mình

Trong thực tiễn, dù có lật đi lật lại vấn đề này đến mấy đi nữa thì kết quả cũng vẫn như thế. C.Mác đã chỉ rõ: ‘Lưu thông hay trao đổi HH, không sáng tạo ra một giá trị nào cả’

Như vậy, lưu thông đã không đẻ ra giá trị thặng dư. Vậy phải chăng giá trị thặng dư có thể đẻ ra ngoài lưu thông? Trở lại ngoài lưu thông, gồm hai trường hợp:

- Ở ngoài lưu thông, nếu người trao đổi vẫn đứng một mình với HH của anh ta, thì giá trị của những HH ấy không hề tăng lên một chút nào
- Ở ngoài lưu thông, nếu người SX muốn sáng tạo thêm giá trị mới cho HH, thì phải bằng LĐ của mình. Chẳng hạn, người thợ giày đã tạo ra một giá trị mới bằng cách lấy da thuộc để làm ra giày. Trong thực tế, đôi giày có giá trị lớn hơn da thuộc vì nó đã thu hút nhiều LĐ hơn, còn giá trị của bản thân da thuộc vẫn y như trước, không tự tăng lên

Đến đây, C.Mác đã khẳng định: ‘Vậy là TB không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông’. Đó chính là mâu thuẫn chứa đựng trong công thức chung của TB. Để giải quyết những mâu thuẫn này, C.Mác chỉ rõ: “phải lấy những quy luật nội tại của lưu thông HH làm cơ sở”

Câu 18: Trình bày bản chất và hình thức địa tô TBCN

a. Bản chất địa tô TBCN

- Địa tô đã xuất hiện từ khi có quyền tư hữu về ruộng đất là hình thức bóc lột chủ yếu trong XHPK. Trong lịch sử, nó lần lượt trải qua các hình thái tô lao dịch, tô hiện vật và tô tiền
- Trong CNTB, nhà TB kinh doanh trong nông nghiệp phải thuê ruộng đất và thuê công nhân để tiến hành SX thu giá trị thặng dư. Họ coi nông nghiệp là một lĩnh vực đầu tư kinh doanh. Cũng như trong công nghiệp, nhà TB nông nghiệp phải thu được, đồng thời phải thu được một số giá trị thặng dư dôi ra, tức là lợi nhuận siêu ngạch, để nộp tiền thuê đất của địa chủ dưới hình thức địa tô (r)
- Địa tô TBCN là phần giá trị thặng dư còn lại, tức là một phần của giá trị thặng dư do công nhân nông nghiệp tạo ra, sau khi đã trừ phần lợi nhuận bình quân mà các nhà TB kinh doanh trong nông nghiệp phải trả cho địa chủ
- Khái niệm: địa tô TBCN là bộ phận lợi nhuận siêu ngạch do công nhân LĐ làm thuê trong nông nghiệp làm ra (tức là một phần của giá trị thặng dư sau khi trừ lợi nhuận bình quân của TB đầu tư vào nông nghiệp) mà các nhà TB kinh doanh trong nông nghiệp phải nộp cho người sở hữu ruộng đất

b. Hình thức địa tô TBCN

- Địa tô chênh lệch
- Địa tô chênh lệch trong CNTB là số dư ngoài lợi nhuận bình quân thu được trên ruộng đất có điều kiện SX thuận lợi hơn. Nó là số chênh lệch giữa giá cả SX chung quyết định bởi điều kiện SX trên ruộng đất xấu nhất và giá cả SX cá biệt trên ruộng đất tốt và trung bình (đất xấu nhất nhưng không phải bất kỳ chi phí nào cũng trở thành giá cả SX, mà là chi phí SX ở mức trung bình)
- Như vậy, địa tô chênh lệch là một phần lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân thu được trên ruộng đất có điều kiện SX thuận lợi hơn. Nó là số chênh lệch giữa giá cả SX cá biệt trên ruộng đất tốt và trung bình
- Xét về cơ sở hình thành lợi nhuận siêu ngạch và việc chuyển hóa nó thành địa tô thì địa tô chênh lệch được chia làm hai loại:
- + Địa tô chênh lệch I là địa tô thu được trên những ruộng đất có điều kiện tự nhiên thuận lợi như: độ màu mỡ tự nhiên cao, gần nơi tiêu thụ, gần đường giao thông... làm cho năng suất của TB nông nghiệp cao hơn, tiết kiệm được chi phí hơn
 - + Địa tô chênh lệch II là địa tô thu được nhờ thâm canh tăng năng suất, là kết quả của việc đầu tư thêm TB vào một đơn vị diện tích để nâng cao chất lượng cnah tác, nhằm tăng độ màu mỡ trên mảnh ruộng đó, nâng cao sản lượng trên một đơn vị diện tích
 - Địa tô tuyệt đối:
 - + Địa tô tuyệt đối là số địa tô mà các nhà TB kinh doanh nông nghiệp tuyệt đối phải nộp cho địa chủ dù ruộng đất tốt hay xấu, ở gần hay ở xa

- + Dưới chế độ TB, sự độc quyền tư hữu ruộng đất đã cản trở sự phát triển của quan hệ SX TBCN trong nông nghiệp. Do vậy, nông nghiệp thường lạc hậu hơn công nghiệp về kinh tế kỹ thuật và cấu tạo hữu cơ trong nông nghiệp thấp hơn trong công nghiệp. Điều này phản ánh một điều: nếu trình độ bóc lột như nhau (tỷ suất giá trị thặng dư như nhau) thì một TB ngang nhau sẽ sinh ra trong nông nghiệp nhiều giá trị thặng dư hơn
- + Địa tô tuyệt đối cũng là một loại lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân được hình thành do cấu tạo hữu cơ của TB trong nông nghiệp thấp hơn trong công nghiệp, nó là số chênh lệch giữa giá trị nông sản với giá cả SX chung của nông phẩm
- + Cơ sở của địa tô tuyệt đối là do cấu tạo hữu cơ của TB trong nông nghiệp thấp hơn trong công nghiệp, còn nguyên nhân tồn tại của địa tô tuyệt đối là do chế độ độc quyền tư hữu ruộng đất đã ngăn cản nông nghiệp tham gia cạnh tranh giữa các ngành để hình thành lợi nhuận bình quân
- Địa tô độc quyền
 - + Địa tô độc quyền là hình thức đặc biệt của địa tô TBCN. Nó có thể tồn tại trong nông nghiệp, công nghiệp khai thác và các khu đất trong thành thị
 - + Địa tô gắn với độc quyền sở hữu ruộng đất, độc chiếm các điều kiện tự nhiên thuận lợi, cản trở sự cạnh tranh của TB, tạo nên giá cả độc quyền của ruộng đất. Địa tô thu trên các loại có trồng các loại cây cho những SP quý hiếm, có giá trị cao, hay những khoáng sản có giá trị đặc biệt, thường rất cao và đgl địa tô độc quyền
 - + Nguồn gốc của nó cũng là lợi nhuận siêu ngạch do giá cả độc quyền cao của những SP thu được trên đất ấy mà nhà TB phải nộp cho địa chủ

Câu 19: Phân tích tính hai mặt của LĐ SXHH

HH có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị HH. Hai thuộc tính đó do tính chất hai mặt của LĐ SX HH quyết định. Chính tính hai mặt của LĐ SX HH quyết định tính hai mặt của LĐ SXHH

C.Mác là người đầu tiên đã phát hiện ra tính chất hai mặt của LĐ SXHH. Đó là LĐ cụ thể và LĐ trừu tượng. Đây không phải là hai thứ LĐ khác nhau mà chỉ là LĐ của người SXHH, nhưng LĐ đó mang tính hai mặt: vừa là LĐ cụ thể, vừa là LĐ trừu tượng

a. LĐ cụ thể

- Khái niệm: là LĐ có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định. Mỗi LĐ cụ thể có mục đích riêng, đối tượng riêng, phương tiện riêng, phương pháp riêng và kết quả riêng
- Đặc trưng của LĐ cụ thể
 - + Mỗi LĐ cụ thể tạo ra một loại giá trị sử dụng nhất định. LĐ cụ thể càng nhiều loại thì càng tạo ra nhiều loại giá trị sử dụng khác nhau
 - + Các LĐ cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của HH. Giá trị sử dụng là phạm trù vĩnh viễn, vì vậy LĐ cụ thể cũng là phạm trù vĩnh viễn tồn tại gắn liền với vật phẩm, nó là một điều kiện không thể thiếu trong bất kỳ hình thái KT - XH nào
 - + Các hình thức phong phú và đa dạng của LĐ cụ thể phụ thuộc vào trình độ phát triển và sự áp dụng khoa học - công nghệ vào SX, đồng thời cũng là tấm gương phản chiếu trình độ phát triển KT và khoa học - công nghệ ở mỗi thời đại
 - + LĐ cụ thể không phải là nguồn gốc duy nhất của giá trị sử dụng do nó sản giời cũng do hai nhân tố hợp thành: vật chất và LĐ. LĐ cụ thể của con người chỉ là thay đổi hình thức tồn tại của các vật chất, làm cho nó thích hợp với nhu cầu của con người

b. LĐ trừu tượng

- Khái niệm: LĐ của người SXHH, nếu coi đó là sự hao phí trí óc, sức thần kinh của sức cơ bắp nói chung của con người, chứ không kể đến hình thức cụ thể của nó như thế nào
- Đặc trưng của LĐ trừu tượng
 - + LĐ trừu tượng tạo ra giá trị HH, làm cơ sở cho sự ngang bằng trao đổi
 - + Giá trị của HH là một phạm trù lịch sử, do đó LĐ trừu tượng tạo ra giá trị HH cũng là một phạm trù lịch sử, chỉ tồn tại trong nền SXHH

* Tính chất hai mặt của LĐ SXHH có quan hệ với tính chất tư nhân và tính chất XH của LĐ SXHH. Tính chất tư nhân và tính chất XH của LĐ SXHH có mâu thuẫn với nhau, đó là mâu thuẫn cơ bản của SXHH giản đơn biểu hiện ở chỗ SP của người SXHH riêng biệt có thể không ăn khớp hoặc không phù hợp với nhu cầu của XH hoặc hao phí LĐ cá biệt của người SXHH có thể cao hơn hay thấp hơn hao phí LĐ mà XH có thể chấp nhận. Chính vì những mâu thuẫn đó mà SXHH vừa vận động phát triển, lại vừa tiềm ẩn khả năng khủng hoảng "SX thừa"

Câu 20: Trình bày nguyên nhân ra đời và bản chất của CNTB độc quyền nhà nước

a. Nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền nhà nước

- Sự phát triển của LLSX dẫn đến quy mô của nền KT ngày càng rộng lớn, tính chất XH hóa của nền KT ngày càng cao đã đòi hỏi có sự điều tiết XH đối với SP và phương pháp, một kế hoạch hóa từ một trung tâm nhà nước phải dùng các công cụ về tài chính, KT, kế hoạch hóa phát triển các xí nghiệp quốc doanh...
- Sự phát triển của phân công LĐXH dưới tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại tạo ra những ngành mới đã đòi hỏi vốn đầu tư lớn, rủi ro cao, thu hồi vốn chậm, khả năng lợi nhuận thấp mà các tổ chức độc quyền tư nhân không muốn kinh doanh nhất là các ngành thuộc kết cấu hạ tầng: năng lượng, GTVT, giáo dục, nghiên cứu khoa học cơ bản. Nhà nước tư sản đảm nhiệm kinh doanh những ngành đó tạo điều kiện cho các tổ chức độc quyền tư nhân kinh doanh các ngành khác có lợi
- Sự thống trị của đế quốc đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản gay gắt đe dọa sự sống vốn có của “quan hệ SX TBCN” đòi hỏi nhà nước phải có những chính sách xoa dịu bằng những biện pháp: trợ cấp thất nghiệp, điều tiết thu nhập quốc dân, phát triển phúc lợi,...
- Sự tích tụ và tập trung TB cao dẫn đến mâu thuẫn giữa TB độc quyền với các tổ chức kinh doanh vừa và nhỏ trở nên gay gắt cần có sự can thiệp của nhà nước bằng các hình thức khác nhau như: cấm một số hình thức độc quyền, ra luật chống độc quyền,... hạn chế sự lũng loạn nền KT của tổ chức độc quyền
- Cùng với xu hướng quốc tế hóa đời sống KT, sự bành trướng của các liên minh độc quyền quốc gia dân tộc và xung đột lợi ích với các đối thủ trên thị trường thế giới. Tình hình đó đòi hỏi phải có sự can thiệp của nhà nước để điều tiết các quan hệ kinh tế, chính trị.

b. Bản chất của CNTB độc quyền nhà nước

CNTB độc quyền NN là sự kết hợp giữa sức mạnh của TB độc quyền với sức mạnh của NN thành một bộ máy duy nhất.

- Xét về bản chất, CNTB độc quyền NN vẫn là CNTB, chịu sự chi phối của quy luật giá trị thặng dư, mặc dù nó đã có nhiều thay đổi so với CNTB thời kỳ cạnh tranh tự do.
- CNTB độc quyền NN là nấc thang phát triển mới của CNTB độc quyền, nhưng nó vẫn chưa thoát khỏi CNTB độc quyền.
- Đặc điểm nổi bật của CNTB độc quyền NN là sự can thiệp, sự điều tiết của NN về KT. Mặc dù trong giai đoạn đầu của CNTB độc quyền, NN đã có sự can thiệp, điều tiết KT ở chừng mực nhất định, nhưng hoạt động chi phối vẫn là của bàn tay vô hình hoặc sự can thiệp, điều tiết của NN mang tính gián tiếp. Chẳng hạn, ngay ở giai đoạn NN đã điều tiết gián tiếp vào quan hệ KT bằng thuế má, bằng việc đi xâm lược nước ngoài để mở rộng thị trường cho các tổ chức độc quyền...

Như vậy, CNTB độc quyền NN không phải một chế độ KT mới so với CNTB, lại càng không phải chế độ TB mới so với CNTB độc quyền. CNTB độc quyền NN chỉ là CNTB độc quyền có sự can thiệp, điều tiết của NN về KT, là sự kết hợp sức mạnh của TB độc quyền với sức mạnh của NN về KT.

Phần II: CNXH

Câu 1: Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN. Phân tích địa vị kinh tế xã hội của GCCN trong xã hội TBCN

a. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN

- Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN là lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ chế độ TBCN, xóa bỏ tư hữu, xóa bỏ mọi chế độ áp bức, bóc lột và xây dựng xã hội mới - xã hội XHCN và tiến tới xã hội cộng sản chủ nghĩa Ph. Ăng ghen viết: “Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy - đó là sứ mệnh lịch sử của GCVS hiện đại” V.I.Lênin cũng chỉ rõ: “Điểm chủ yếu trong học thuyết của C.Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của GCVS là người xây dựng xã hội XHCN”
- Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, GCCN phải trải qua hai bước
 - + Bước thứ nhất: GCVS chiếm lấy chính quyền nhà nước, thiết lập chuyên chính vô sản và biến tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu nhà nước
 - + Bước thứ hai: GCVS cũng tự thủ tiêu với tư cách là GCVS, chính vì thế mà nó xóa bỏ mọi sự phân biệt giai cấp và mọi đối kháng giai cấp và cũng xóa bỏ nhà nước với tư cách là nhà nước
- Để hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình, GCCN nhất định phải tập hợp được các tầng lớp nhân dân lao động xung quanh nó đặc biệt là GCND và tầng lớp tri thức xung quanh nó, tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng xóa bỏ xã hội cũ và xây dựng xã hội mới về mọi mặt KT, CT, VH, tư tưởng. Đó là một quá trình lịch sử hết sức lâu dài và khó khăn

- Sự mệnh lịch sử của GCCN khác về chất so với sự mệnh lịch sử của các giai cấp trước đó
- + Về kinh tế: GCCN làm sự mệnh lịch sử để xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, chế độ người bóc lột người
- + Về mục đích: Sự mệnh lịch sử của GCCN là phong trào của số đông, đó là GCCN và đại đa số nhân dân lao động trong xã hội
- + Về nhiệm vụ: Sự mệnh lịch sử của GCCN vừa cải tạo xã hội cũ, vừa xây dựng xã hội mới. Nó diễn ra ở cả lĩnh vực kiến trúc thượng tầng và cả cơ sở hạ tầng
- + Về tính chất: Sự mệnh lịch sử của GCCN vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính quốc tế. Nếu tính quốc tế thuộc về bản chất của sự mệnh lịch sử của GCCN thì tính dân tộc cụ thể hóa, tính chất đó trong từng quốc gia, dân tộc cụ thể. GCCN không thể hoàn thành sự mệnh có tính quốc tế của mình nếu không hoàn thành nhiệm vụ đó trong mỗi quốc gia, dân tộc
- b. Địa vị KT-XH của GCCN trong xã hội TBCN
 - Dưới CNTB GCCN là giai cấp gắn với lực lượng sản xuất tiên tiến nhất
 - + Trong nền sản xuất đại công nghiệp, GCCN vừa là chủ thể trực tiếp nhất, vừa là sản phẩm căn bản nhất của nền sản xuất đó. Khi sản xuất đại công nghiệp ngày càng mở rộng, phát triển thì *“Các giai cấp khác suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp, ngược lại GCCN tồn tại và phát triển cùng với nền đại công nghiệp”*. Như vậy, nền đại công nghiệp càng phát triển thì GCCN ngày càng tăng về số lượng
 - + Với nền sản xuất TBCN GCCN chỉ có thể sống được nhờ kiếm được việc làm và chỉ kiếm được việc làm khi lao động của họ làm tăng thêm tư bản. Do vậy, buộc GCCN phải không ngừng học tập vươn lên đáp ứng với yêu cầu của sản xuất ngày càng hiện đại. Và như thế, nền đại công nghiệp càng phát triển thì GCCN càng phát triển về chất lượng. GCCN là động lực chính để thúc đẩy nền đại công nghiệp phát triển, nền đại công nghiệp phát triển đặt ra yêu cầu phát triển GCCN về chất lượng cả về tri thức và trình độ chuyên môn
 - + Theo quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX thì khi nền đại công nghiệp phát triển, dẫn đến sự phát triển của LLSX, LLSX phát triển GCCN cũng sẽ phát triển theo. LLSX mang tính xã hội hóa ngày càng cao, trong khi đó QHSX vẫn dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất dẫn đến mâu thuẫn giữa LLSX với QHSX, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa GCCN với GCTS mà đỉnh cao là cách mạng vô sản
 - + Do địa vị KT-XH khách quan, GCCN là giai cấp gắn liền với LLSX tiên tiến nhất dưới CHTB. Do vậy, nó là lực lượng quyết định phá vỡ QHSX TBCN. Sau khi giành chính quyền, GCCN đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là người duy nhất có khả năng lãnh đạo xã hội xây dựng một phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất TBCN
 - GCCN là giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với giai cấp tư sản
 - + GCCN là lực lượng chủ yếu trong CNTB, nhưng không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động, bị nhà tư bản bóc lột. *“Vì thế họ phải chịu hết sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ khác nhau”*
 - Như vậy, trong chế độ tư bản GCTS muốn duy trì chế độ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, duy trì chế độ áp bức bóc lột đối với GCCN và nhân dân lao động. Ngược lại, bị GCTS áp bức bóc lột nặng nề, họ là giai cấp trực tiếp đối kháng với GCTS, xét về bản chất họ là giai cấp cách mạng triệt để nhất chống lại chế độ áp bức, bóc lột; họ chỉ có thể giải phóng mình bằng cách giải phóng toàn bộ xã hội khỏi chế độ TBCN. Trong cuộc cách mạng ấy, họ không mất gì ngoài xiềng xích và được cả thế giới về mình
 - + GCCN vừa là điều kiện tồn tại, vừa là mặt đối lập của GCTS. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển thì tỷ suất giá trị thặng dư mà GCTS bóc lột GCCN ngày càng cao, mặc dù CNTB có điều chỉnh, thích nghi để kéo dài sự tồn tại của nó. Do vậy, mâu thuẫn giữa GCCN với GCTS không hề giảm đi mà còn có chiều hướng tăng lên
 - GCCN có khả năng đoàn kết GCVS và các dân tộc bị áp bức trên quy mô quốc tế theo chủ nghĩa quốc tế vô sản. GCCN lao động trong nền sản xuất đại công nghiệp, quy mô sản xuất ngày càng lớn, sự phụ thuộc lẫn nhau trong quá trình sản xuất ngày càng nhiều, họ lại thường sống ở những thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung. Điều kiện làm việc, điều kiện sống của GCCN đã tạo điều kiện cho họ có thể đoàn kết chặt chẽ với nhau trong cuộc đấu tranh chống CNTB
 - GCCN có lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và các tầng lớp khác, nên có khả năng lãnh đạo đoàn kết, tổ chức, giáo dục quần chúng tham gia vào cuộc đấu tranh chống GCTS, giải phóng họ khỏi ách áp bức bóc lột, xây dựng xã hội mới – XHCN

Như vậy, GCCN có sự mệnh lịch sử thủ tiêu CNTB xây dựng CNXH trên phạm vi thế giới là cho địa vị KT XH của họ quy định

Câu 2: Phân tích những đặc điểm CT – XH của GCCN

Từ địa vị KT XH khách quan đó quy định, tạo nên những đặc điểm XH – CT của GCCN đó là:

- *Thứ nhất, GCCN là giai cấp tiên phong cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để nhất*
 - + Vì GCCN là sản phẩm của nền đại công nghiệp; họ đại diện cho LLSX tiên tiến, phương thức sản xuất tiên tiến - phương thức sản xuất CSCN, là lực lượng tiên phong trong lĩnh vực sản xuất làm ra sự giàu có cho xã hội
 - + Do điều kiện sống tập trung, đoàn kết ở những nơi trung tâm, nơi có điều kiện giao lưu, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, họ ngày càng có điều kiện tiếp xúc với tri thức, khoa học tiên tiến
 - + Họ được trang bị lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, hệ tư tưởng tiên tiến của thời đại làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động giai cấp mình
- *Thứ hai, GCCN có tinh thần cách mạng triệt để nhất:* Vì họ là giai cấp không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống. Trong xã hội TBCN GCCN là giai cấp bị bóc lột nặng nề nhất, là giai cấp có mâu thuẫn đối kháng về lợi ích nhiều nhất với GCTS. Do vậy, họ chỉ có thể được giải phóng hoàn toàn giai cấp mình khi giải phóng toàn bộ xã hội ra khỏi chế độ TBCN

Trong tác phẩm Tuyên ngôn ĐCS C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: “*Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với GCTS thì chỉ có GCVS là giai cấp thực sự cách mạng*”

Các tầng lớp trung đẳng là những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương, thợ thủ công và nông dân, tất cả đấu tranh chống lại GCTS để cứu lấy sự sống còn của họ với tính cách là tầng lớp trung đẳng. Cho nên họ không cách mạng mà bảo thủ

- *Thứ ba, GCCN là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao*
 - + GCCN lao động trong nền sản xuất đại công nghiệp với hệ thống sản xuất mang tính dây chuyền và nhịp độ làm việc khẩn trương buộc giai cấp này phải tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động, cùng với cuộc sống đô thị tập trung đã tạo nên tính tổ chức, kỷ luật chặt chẽ cho GCCN
 - + GCCN ra đời, làm việc và đấu tranh trong các tổ chức công đoàn về nghiệp đoàn do vậy phải có tính kỷ luật chặt chẽ. Đặc biệt, họ được trang bị lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tổ chức ra chính đảng của nó là ĐCS, nhanh chóng phát triển thành một lực lượng chính trị to lớn và có tổ chức
 - + Trong cuộc đấu tranh chống lại GCTS với bộ máy đàn áp khổng lồ và rất nhiều thủ đoạn thâm độc, do đó GCCN phải đoàn kết lại, tổ chức chặt chẽ và có tính kỷ luật cao để tạo ra sức mạnh trong cuộc đấu tranh ấy
- *Thứ tư, GCCN là giai cấp có bản chất quốc tế*
 - + Xuất phát từ nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN đó là đấu tranh không những giải pháp áp bức, bóc lột, xây dựng thành công CNXH ở dân tộc mình mà còn có nghĩa vụ quốc tế. Kẻ thù của GCCN là GCTS quốc tế, mặc dù chúng cạnh tranh gay gắt với nhau, nhưng chúng lại cấu kết chặt chẽ với nhau nhằm chống lại phong trào cách mạng của GCCN và quần chúng nhân dân lao động
 - + Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của LLSX, sản xuất mang tính toàn cầu hóa. Tư bản nước này có thể đầu tư sang nước khác là một xu hướng khách quan. Nhiều sản phẩm không phải do một nước sản xuất ra mà là kết quả lao động của nhiều quốc gia. Vì thế, phong trào đấu tranh của GCCN không chỉ diễn ra đơn lẻ trong từng doanh nghiệp, ở mỗi quốc gia mà ngày càng phải có sự gắn bó giữa phong trào công nhân các nước

• GCCN VN trong thời kỳ đẩy mạnh CNH

- Những ưu điểm của GCCN nước ta
 - Qua hơn 20 năm đổi mới, GCCN nước ta đã có những chuyển biến quan trọng, đang tiếp tục phát huy vai trò là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là ĐCSVN, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng CNXH, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH HĐH đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, lực lượng nòng cốt trong liên minh GCCN với GCND và đội ngũ tri thức dưới sự lãnh đạo của Đảng; đóng góp trực tiếp to lớn vào sự phát triển của đất nước
 - + GCCN nước ta đang tăng nhanh về số lượng và có mặt trong tất cả các thành phần kinh tế
 - + Đội ngũ công nhân nước ta ngày càng đa dạng về cơ cấu ngành nghề, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ thuật nghề nghiệp được nâng cao đáng kể, đặc biệt là trong một số ngành kinh tế mũi nhọn
 - + Đội ngũ công nhân nước ta đang là một LLSX cơ bản, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của nền kinh tế quốc dân theo con đường XHCN
 - + GCCN nước ta thích nghi tương đối nhanh với cơ chế thị trường, tư tưởng trông chờ vào bao cấp của nhà nước được khắc phục rõ rệt; đã bắt đầu ý thức được về giá trị của bản thân trong lao động; xuất hiện một bộ phận công nhân có cổ phần trong doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa

- + Một bộ phận GCCN, nhất là trong các khu vực doanh nghiệp nhà nước, có bản lĩnh chính trị, lập trường giai cấp vững vàng. Đại đa số công nhân tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, chế độ, công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của đất nước theo con đường XHCN, có ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, cần cù lao động, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái
- Những hạn chế của GCCN nước ta
 - + Sự phát triển của GCCN chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn, chuyên môn kỹ năng nghề nghiệp cho sự nghiệp CNH HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế
 - + Địa vị chính trị của GCCN chưa thể hiện đầy đủ. GCCN còn hạn chế về phát huy vai trò nòng cốt trong liên minh GCCN với GCND và đội ngũ tri thức. Giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị của công nhân không đồng đều; sự hiểu biết về chính sách, pháp luật còn nhiều hạn chế
 - + Trong quá trình phát triển KT - XH của đất nước, việc làm và đời sống của GCCN ngày càng được cải thiện; nhưng lợi ích một bộ phận công nhân được hưởng chưa tương xứng với những thành tựu của công cuộc đổi mới và những đóng góp của mình; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân đang có nhiều khó khăn, bức xúc, đặc biệt là ở bộ phận công nhân lao động giản đơn tại các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có đầu tư vốn nước ngoài
- Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN VN được Nghị quyết hội nghị lần thứ VI, ban chấp hành TW khóa X đã cụ thể hóa và chỉ rõ: *“GCCN nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là ĐCSVN; GCCN đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng CNXH, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH HĐH đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh GCCN với GCND và đội ngũ tri thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”*
- Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng ai GCCN VN đáp ứng với yêu cầu công cuộc CNH HĐH đất nước đó là:
 - + Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về GCCN trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh CNH HĐH đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế
 - + Đẩy mạnh nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước “tri thức hóa công nhân”
 - + Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho công nhân
 - + Bổ sung, sửa đổi, xây dựng thực hiện nghiêm hệ thống chính sách, pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của công nhân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân
 - + Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các tổ chức CT - XH khác trong xây dựng GCCN

Câu 3: Trình bày vai trò của ĐCS trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN

Sứ mệnh lịch sử của GCCN xuất hiện một cách khách quan. Để biến khả năng khách quan đó thành hiện thực thì phải thông qua nhân tố chủ quan. Trong đó việc thành lập ĐCS trung thành với sự nghiệp, lợi ích của GCCN là nhân tố quyết định nhất đảm bảo cho GCCN thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử đó

a. Tính tất yếu của sự hình thành, phát triển chính đảng của GCCN

- C.Mác khẳng định, trong cuộc đấu tranh giai cấp, chỉ khi nào GCVS tự mình tổ chức một chính đảng độc lập với tất cả các đảng cũ do GCTS lập ra, chống lại quyền lực của giai cấp hữu sản thì mới hành động với tư cách là một giai cấp được
- Trong thực tế lịch sử phong trào đấu tranh của GCCN nổ ra ngay từ CNTB hình thành và phát triển theo quy luật có áp bức cho đấu tranh

Cuộc đấu tranh đó lúc đầu mang tính sơ khai, manh động, mang tính các nhân như đập phá máy móc, ăn cắp sản phẩm, đánh lại giới chủ khi bị bóc lột thậm tệ

Đến đầu thế kỷ XIX, trước sự bóc lột tàn nhẫn mang tính phổ biến của giới chủ, phong trào công nhân đã phát triển mạnh mẽ, GCCN đã biết đoàn kết để đấu tranh như đình công để đòi tăng lương, giảm giờ làm. Vào những năm 30 của thế kỷ XIX phong trào công nhân đã đánh thắng vào chế độ chính trị, đòi dân sinh, dân chủ... điển hình là ba phong trào công nhân đó là: khởi nghĩa của công nhân dệt thành phố Lyông và Boocđô - Pháp (1831 - 1834); thành phố Xilêri - Đức (1844); phong trào hiến chương - Anh (1835 - 1848)... Tuy nhiên, các phong trào này đều bị thất bại do nhiều nguyên nhân, trong đó việc thiếu một lý luận thực sự cách mạng khoa học và một chính đảng là nguyên nhân quan trọng

Chỉ đến khi chủ nghĩa Mác ra đời (2/1848) với sự nỗ lực hoạt động thực tiễn của mình C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập ra tổ chức ĐCS đầu tiên của GCCN đó là liên đoàn những người cộng sản; sau đó là Quốc tế cộng sản I (1864), Quốc tế cộng sản II (1881). Chỉ khi dưới sự lãnh đạo của một ĐCS chân chính, phong trào công nhân

mới đạt được đến độ tự giác bằng cách tiếp thu lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, đoàn kết đấu tranh nhằm thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình

- Từ phong trào đấu tranh của GCCN cho phép Mác – Ăngghen khái quát lên lý luận: CNXH khoa học truyền bá vào phong trào công nhân, chuyển từ tự phát lên tự giác dẫn đến hình thành ĐCS. Do vậy, quy luật hình thành ĐCS là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin vào trong phong trào công nhân
- Ở nước ta, Chủ tịch HCM đã chỉ rõ, thực tiễn lịch sử đã chứng minh: Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập ĐCSĐD vào năm 1930
- Khi ĐCS ra đời, thông qua sự lãnh đạo của Đảng, GCCN nhận thức được vai trò, vị trí của mình trong xã hội, hiểu được con đường, biện pháp đấu tranh cách mạng, từ đó tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân lao động, thực hiện lật đổ CNTB, giải phóng giai cấp mình, giải phóng toàn xã hội

b. Mối giữa ĐCS và GCCN

- ĐCS là tổ chức chính trị cao nhất của GCCN, đại biểu cho lợi ích và trí tuệ của GCCN và toàn thể NDLD
 - + ĐCS là một bộ phận của GCCN, không đứng trên, ngoài GCCN, là tổ chức cao nhất đại diện cho trí tuệ lợi ích của GCCN và toàn thể NDLD và dân tộc; cho nên ĐCS phải có đường lối chiến lược đúng đắn
 - + ĐCS là đội tiên phong, là lãnh tụ chính trị, bộ tham mưu chiến đấu của GCCN: tiên phong cả về trình độ lý luận, trình độ tổ chức, hoạt động thực tiễn so với GCCN
 - + GCCN là cơ sở xã hội - giai cấp của ĐCS, là nguồn bổ sung lực lượng của ĐCS
- Vai trò tiên quyết của ĐCS đối với phong trào công nhân thể hiện ở:
 - + Trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin, căn cứ vào thực tiễn đất nước trong mỗi giai đoạn cách mạng ĐCS đưa ra đường lối, cương lĩnh phù hợp nhằm lãnh đạo phong trào công nhân
 - + Đảng là người đưa chủ nghĩa Mác – Lênin vào trong phong trào công nhân và giác ngộ quần chúng nhân dân lao động. Đảng viên là những người được trang bị lý luận, nắm được quan điểm, đường lối của Đảng, từ đó tuyên truyền vào trong phong trào công nhân và quần chúng NDLD, làm cho quần chúng nhân dân hiểu và bằng hành động gương mẫu của mình tập hợp lôi cuốn QCND vào các phong trào cách mạng
 - + Đảng là hạt nhân đoàn kết GCCN, đoàn kết NDLD tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đảng có lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của GCCN và quần chúng NDLD, vì thế đảng có thể thực hiện giác ngộ QCND huy động được quần chúng tham gia phong trào cách mạng. Có tập hợp được QCND thì đường lối chủ trương của đảng mới được thực hiện, đảng mới có sức mạnh, sứ mệnh lịch sử của GCCN mới được thực hiện

Câu 4: Khái niệm cách mạng XHCN. Nguyên nhân, điều kiện, thời cơ nổ ra cách mạng XHCN

a. Khái niệm cách mạng XHCN

Cách mạng XHCN là một cuộc cách mạng nhằm thay thế chế độ cũ, nhất là chế độ TBCN, bằng chế độ XHCN. Trong cuộc cách mạng đó. GCCN là người lãnh đạo và cùng với quần chúng NDLD khác xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Cách mạng XHCN được hiểu theo cả nghĩa hẹp và nghĩa rộng:

- *Theo nghĩa hẹp*: cách mạng XHCN là một cuộc cách mạng chính trị được kết thúc bằng việc GCCN cùng với NDLD giành được chính quyền, thiết lập nên nhà nước chuyên chính vô sản - nhà nước của GCCN và quần chúng NDLD
- *Theo nghĩa rộng*: cách mạng XHCN là quá trình cải biến một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ KT đến CT, VH, tư tưởng,... để xây dựng thành công CNXH và cuối cùng là CNCS

Như vậy, cách mạng CNXH theo nghĩa rộng bao gồm cả việc giành chính quyền về tay GCCN, NDLD và cả quá trình GCCN và quần chúng NDLD tiến hành cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tới khi xây dựng thành công CNXH thì cuộc cách mạng này mới kết thúc

b. Nguyên nhân, điều kiện, thời cơ nổ ra cách mạng XHCN

- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: nguyên nhân sâu xa của mọi cuộc cách mạng trong xã hội là do mâu thuẫn gay gắt giữa nhu cầu phát triển của LLSX với sự kìm hãm của QHSX đã trở nên lỗi thời. C.Mác đã chỉ rõ: *“Từ chỗ là những hình thức phát triển của các LLSX, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các LLSX. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội”*
- Trong XHTB, nhất là khi máy hơi nước ra đời, LLSX ngày càng phát triển, ngày càng mang tính xã hội hóa cao, mâu thuẫn gay gắt với QHSX mang tính tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất. C.Mác nhận định: *“Sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hóa lao động đạt đến cái điểm mà chúng không còn thích hợp với cái vỏ TBCN của chúng nữa... nền sản xuất tư bản lại để ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của quá trình tự nhiên”*

- Biểu hiện của mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế là tính tổ chức, tính kế hoạch trong tư doanh nghiệp ngày càng tăng với tính vô tổ chức của sản xuất toàn xã hội do sự cạnh tranh của nền sản xuất hàng hóa TBCN xảy ra
- Quy luật cạnh tranh, tính chất vô chính phủ trong sản xuất dẫn tới khủng hoảng thừa, buộc một số doanh nghiệp phải ngừng sản xuất. Dưới CNTB, GCCN sống bằng việc bán sức lao động, do vậy một khi sản xuất bị đình trệ họ không có việc làm, họ đã đứng lên đấu tranh chống lại GCTS

Như vậy, sự phù hợp với tính chất xã hội hóa ngày càng cao của LLSX chỉ có thể là sự thay thế quan hệ sản xuất TBCN bằng quan hệ sản xuất mới thông qua cuộc cách mạng XHCN

- Mâu thuẫn giữa LLSX và quan hệ sản xuất trong chế độ TB này càng gay gắt, nhưng quy luật xã hội không tự nó xảy ra mà phải thông qua hoạt động của con người. Vì vậy cách mạng XHCN muốn nổ ra, GCCN phải nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình, thực hiện việc tuyên truyền vận động nhân dân lật đổ chính quyền nhà nước của GCTS để giành chính quyền
- Cách mạng XHCN nổ ra, nhưng có giành được thắng lợi hay không phải có thời cơ cách mạng. Thời cơ cách mạng XHCN có thể giành được thắng lợi khi giai cấp thống trị đã suy yếu tới tột độ, chúng xâu xé lẫn nhau, khi giai cấp lãnh đạo cách mạng trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng, đưa cách mạng đi tới thắng lợi, khi các tầng lớp trung gian đã giác ngộ cách mạng, đã sẵn sàng hi sinh cho cách mạng

Câu 5: Phân tích rõ những nội dung của cách mạng XHCN

Cách mạng XHCN được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội

a. Về chính trị

- Vị trí: đây là nội dung quan trọng hàng đầu của cách mạng XHCN. Vì cách mạng XHCN đưa quần chúng NDLD từ địa vị nô lệ, làm thuê, bị áp bức bóc lột trở thành người làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội; bằng lao động sản xuất, bằng cuộc đấu tranh xóa bỏ những cái xấu trong xã hội cũ, xây dựng xã hội mới về mọi mặt, làm cho đời sống nhân dân ngày càng nâng lên
- Nội dung cụ thể: GCCN cùng với NDLD dưới sự lãnh đạo của ĐCS dùng bạo lực cách mạng đập tan nhà nước của GCTS, lật đổ sự thống trị của GCTS, giành chính quyền cách mạng, không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt cho quần chúng NDLD để xây dựng nhà nước XHCN, xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ XHCN

b. Về kinh tế

- Vị trí: là nội dung suy đến cùng quyết định thắng lợi của cách mạng XHCN
- Nội dung cụ thể: cách mạng XHCN, thực chất là cuộc cách mạng có tính chất kinh tế. Việc giành chính quyền về tay GCCN và NDLD mới chỉ là bước đầu. Nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng XHCN là phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân:
 - + Một là, thay thế chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN bằng chế độ sở hữu XHCN dưới những hình thức thích hợp, thay đổi vị trí của người lao động đối với tư liệu sản xuất
 - + Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN; không ngừng nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân, đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất tạo ra nhiều của cải phục vụ nhân dân trên cơ sở sự thống nhất về lợi ích giữa cá nhân, tập thể, và xã hội
 - + Ba là, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế, hiện suất công tác,...

c. Về tư tưởng - văn hóa

- Vị trí: là nội dung quan trọng, thể hiện tính nhân văn, nhân đạo của cách mạng XHCN vì nó đưa người lao động trở thành những người chủ sáng tạo, hưởng thụ những giá trị văn hóa tinh thần
- Nội dung cụ thể: xóa bỏ các tàn dư văn hóa phản động lạc hậu, xóa bỏ hệ tư tưởng tư sản; giải phóng NDLD về mặt tư tưởng, tinh thần là cho chủ nghĩa Mác - Lênin đóng vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội. Xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, tạo điều kiện để nhân dân hưởng thụ và tham gia sáng tạo các giá trị văn hóa. Tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa tiên tiến của thời đại và kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc. Từng bước xây dựng thế giới quan và nhân sinh quan mới cho người lao động, hình thành những con người mới XHCN, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh chính trị, nhân văn, nhân đạo, có hiểu biết, có khả năng giải quyết một cách đúng đắn mqh giữa cá nhân, gia đình và xã hội

Như vậy, cách mạng XHCN có nội dung sâu sắc, toàn diện, triệt để và diễn ra đồng thời trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và giữa các lĩnh vực có quan hệ chặt chẽ, tác động thúc đẩy lẫn nhau. Đó là một quá trình cải biến toàn diện xã hội cũ thành xã hội mới, trong đó nhiệm vụ xây dựng xã hội mới là chủ yếu

Câu 6: Trình bày tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa GCCN với GCND và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN

Liên minh GCCN với GCND và đội ngũ tri thức là hình thức hợp tác đặc biệt giữa họ trong cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chế độ TBCN, xây dựng thành công CNXH, CHCS

- a. Tính tất yếu liên minh giữa GCCN với GCND và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN
- Khi tổng kết thực tiễn phong trào công nhân châu Âu, nhất là ở Anh, Pháp cuối thế kỷ XIX, Mác - Ăngghen đã khái quát thành lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác. Nguyên nhân chủ yếu của thất bại trong các cuộc đấu tranh là do GCCN không tổ chức được mối liên minh với GCND. Do vậy, trong các cuộc đấu tranh này, GCCN luôn đơn độc và cuộc cách mạng đã thất bại. Trong tác phẩm *Đấu tranh giai cấp ở Pháp* C.Mác chỉ ra rằng: *Công nhân Pháp không thể tiến lên một bước nào và không thể động đến một sợi tóc nào của chế độ tư sản, trước khi đông đảo nhân dân nằm giữa GCVS và GCTS, tức là nông dân và GCTTS, nổi dậy chống chế độ tư sản*
 - Khi CNTB phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, Lênin đã vận dụng và phát triển lý luận của Mác - Ăngghen về liên minh công - nông và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 và đã giành được thắng lợi
 - Đối với một đất nước nông nghiệp đại đa số dân cư là nông dân thì vấn đề GCCN liên minh với GCND và các tầng lớp lao động khác là tất yếu. Qua mối liên minh này, lực lượng đông đảo nhất trong xã hội là công nhân và nông dân được tập hợp về mục tiêu chung là xây dựng CNXH, vì lợi ích của toàn thể dân tộc
 - Liên minh công - nông - tri thức còn là nhu cầu giữ vững vai trò lãnh đạo của GCCN, nhu cầu tự giải phóng của nông dân và nhu cầu phát triển của tri thức. Lênin cho rằng: nếu không thực hiện liên minh chặt chẽ với GCND và các tầng lớp lao động khác thì GCCN không thể giữ vững được chính quyền nhà nước, nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa GCVS và nông dân để GCVS có thể giữ vững được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước
- b. Cơ sở khách quan bảo đảm sự liên minh vững chắc lâu dài giữa công - nông - tri thức trong cách mạng XHCN
- Xuất phát từ yêu cầu đòi hỏi của cách mạng XHCN: Trong xã hội TBCN, GCCN, GCND cũng như nhiều tầng lớp lao động khác đều là những người lao động, đều bị áp bức bóc lột. Cuộc cách mạng XHCN là cuộc cách mạng toàn diện, triệt để đòi hỏi sự tham gia tự giác của hàng triệu quần chúng NDLD, trước hết là để giải phóng họ khỏi sự áp bức, bóc lột trong XHTB
 - Trong quá trình xây dựng CNXH, nền kinh tế quốc dân là một thể thống nhất của nhiều ngành nghề, nhưng trong đó công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành sản xuất chính trong xã hội. Nếu không có sự liên minh chặt chẽ giữa công nhân và nông dân thì hai ngành kinh tế này cũng như các ngành nghề khác không thể phát triển được. Công nghiệp tạo ra những sản phẩm phục vụ nông nghiệp và các ngành nghề khác. Nông nghiệp tạo ra lương thực, thực phẩm phục vụ cho xã hội, tạo ra nông sản phục vụ cho nông nghiệp
 - Xét về mặt CT - XH, GCCN, GCND và các tầng lớp lao động khác là lực lượng chính trị to lớn trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Do vậy, GCND và nhiều tầng lớp lao động khác trở thành những người bạn tự nhiên, tất yếu của GCCN
 - Xuất phát từ thực tiễn cách mạng XHCN trên thế giới và VN, cách mạng XHCN ở các nước muốn thắng lợi thì cần phải liên minh công - nông - tri thức. Ở VN, liên minh này còn xuất phát từ truyền thống yêu nước thương nòi, tinh thần dân tộc và đoàn kết dựng nước đi đôi với giữ nước

Câu 7: Làm rõ những nội dung liên minh giữa GCCN với GCND và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN

Liên minh GCCN với GCND và đội ngũ tri thức có nội dung toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội

- a. Về chính trị
- Mục tiêu và lợi ích CT cơ bản nhất của GCCN, GCND, tri thức và của cả dân tộc là độc lập dân tộc và CNXH. Vì vậy, liên minh công - nông - tri thức phải đứng trên lập trường chính trị của GCCN thì mới thực hiện được lợi ích chính trị đó
 - Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền là nhằm giành lấy chính quyền về tay GCCN và NDLD. Trong quá trình xây dựng CNXH là cùng nhau tham gia vào chính quyền nhà nước từ cơ sở đến tw, cùng nhau bảo vệ chế độ XHCN và mọi thành quả cách mạng, làm cho Nhà nước XHCN ngày càng vững mạnh
 - Liên minh GCCN với GCND và đội ngũ tri thức là cơ sở vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược

- Liên minh GCCN với GCND và đội ngũ tri thức phải do đảng của GCCN lãnh đạo thì mới có đường lối, phương hướng và chính sách đúng đắn nhằm nắm giữ độc lập dân tộc và CNXH
 - Liên minh GCCN với GCND và đội ngũ tri thức còn là sự đoàn kết, hợp tác cùng nhau xây dựng hệ thống chính trị, nền dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước XHCN và phát huy quyền làm chủ của quần chúng
- b. Về kinh tế: là nội dung liên minh cơ bản nhất, trước hết là các giai cấp, tầng lớp có quyền sở hữu, sử dụng các tư liệu sản xuất chủ yếu và tài nguyên đất nước. Nó còn thể hiện ở quan hệ quản lý, phân phối sản phẩm, bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích giữa các giai cấp
- Hoạt động kinh tế phải kết hợp hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, vừa phải đảm bảo lợi ích của Nhà nước, của xã hội, đồng thời phải thường xuyên quan tâm tới lợi ích của GCND. Đảng của GCCN và nhà nước XHCN phải thường xuyên quan tâm tới xây dựng một hệ thống chính sách phù hợp đối với nông dân, nông nghiệp, nông thôn
- c. Về VH - XH
- CNXH được xây dựng trên nền tảng sản xuất công nghiệp hiện đại, đòi hỏi phải những người có trình độ văn hóa cao mới có thể tạo ra được một xã hội cao hơn CNTB; một xã hội nhân văn nhân đạo, quan hệ tốt giữa người với người, dân tộc này với dân tộc khác. Vì vậy, phải nâng cao trình độ văn hóa cho NDLD
 - Công - nông phải là người chủ của các phương tiện sáng tạo văn hóa, đồng thời là người hưởng thụ các thành tựu văn hóa, Phải thường xuyên giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho công - nông, nâng cao trình độ văn hóa cho nông dân, tạo cho họ khắc phục những tâm lý, thói quen của nền sản xuất nhỏ, tư tưởng bảo thủ, lạc hậu
- d. Về quân sự: công nhân, nông dân, tri thức cùng nhau tham gia xây dựng nền QP toàn dân, LLVT nhân dân hùng mạnh, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc

Câu 8: Phân tích nguyên tắc của liên minh giữa GCCN với GCND khác trong cách mạng XHCN

- Phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của GCCN
Xây dựng khối liên minh giữa GCCN với GCND không có nghĩa là chia quyền lãnh đạo cho các giai cấp này mà phải đi theo đường lối của GCCN. GCND là giai cấp gắn với phương hướng sản xuất nhỏ, cục bộ, phân tán, không có hệ tư tưởng độc lập. Do đó chỉ có đi theo hệ tư tưởng của GCCN GCND mới được giải phóng triệt để và tiến lên sản xuất lớn trong chế độ XHCN
- Phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện
Để thực hiện nguyên tắc này ĐCS phải bằng những việc làm cụ thể để cho GCND và các tầng lớp lao động khác thấy rằng, đi với GCVS có lợi hơn đi với GCTS, từ đó họ tự nguyện đi với GCCN. Có thực hiện được tinh thần tự nguyện thì khối liên minh giữa GCCN với GCND và các tầng lớp lao động khác mới có thể bền vững, lâu dài
- Kết hợp đúng đắn các lợi ích
GCCN với GCND và các tầng lớp lao động khác có những lợi ích cơ bản thống nhất, bởi vì họ đều là những người lao động, đều bị bóc lột dưới CNTB. Song, giữa GCCN và GCND là những chủ thể kinh tế khác nhau. GCCN đại diện cho phương thức sản xuất mới CSCN. GCND gắn với chế độ tư hữu nhỏ, mà chế độ tư hữu nhỏ lại mâu thuẫn với phương thức sản xuất CSCN xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Do vậy cần phải quan tâm giải quyết mâu thuẫn này, chú ý đến lợi ích của GCND, hướng dẫn và đưa sản xuất của nông dân theo hướng hợp tác XHCN

Trong giai đoạn xây dựng CNXH, GCCN cần phải quan tâm hơn nữa đến lợi ích của GCND và phát huy vai trò của đội ngũ tri thức, xây dựng nền tảng khối liên minh giữa công - nông - tri thức vững chắc

Câu 9: Tính tất yếu của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH

- Khái niệm: là thời kỳ cải biến cách mạng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội sau khi GCCN và NDLD giành được chính quyền đến khi xây dựng xong về cơ bản những cơ sở KT XH của CNXH
- Tính tất yếu của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH
 - + CNTB và CNXH khác nhau về bản chất: CNTB được xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu TBCN về tư liệu sản xuất, dựa trên chế độ áp bức bóc lột bất công. CNXH được xây dựng trên cơ sở công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức nhà nước và tập thể, không còn các giai cấp đối kháng, không còn tình trạng áp bức, bóc lột. Muốn có xã hội như vậy cần có một thời kỳ lịch sử nhất định
 - + CNXH được sản xuất trên nền tảng sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao. Muốn có cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho CNXH cần có thời gian tổ chức, sắp xếp lại
 - + Các quan hệ XHCN xã hội không tự phát sinh trong lòng CNTB, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo XHCN. Phải cải tạo những thói quen tâm lý của nền sản xuất nhỏ, tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, phải loại trừ tư tưởng thù địch và xây dựng phát triển những quan hệ sản xuất mới, thói quen tâm lý mới

- + Công cuộc xây dựng CNXH là một công việc mới mẻ, khó khăn, phức tạp, cần có thời gian để GCCN từng bước làm quen với những công việc đó
- + Thời gian quá độ lên CNXH ở các nước có trình độ KT XH khác nhau, có thể diễn ra với khoảng thời gian dài ngắn khác nhau. Những nước đã trải qua phát triển CNTB ở trình độ trung bình, đặc biệt là những nước còn ở trình độ phát triển tiền tư bản, nền kinh tế lạc hậu thì thời kỳ quá độ thường kéo dài với nhiều khó khăn, phức tạp
- + Kẻ thù của GCCN và NDLD mới bị đánh đổ, chưa bị tiêu diệt hoàn toàn, để tiêu diệt tận gốc cần có thời gian
- + Cần thời gian để khắc phục tâm lý nôn nóng hoặc coi thường kẻ thù

Câu 10: *Làm rõ những đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH*

Đặc điểm của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH là sự tồn tại đan xen những tàn dư, tàn tích của xã hội cũ với những nhân tố mới của XHCN trong mqh vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống KT - XH

- Về kinh tế: còn tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế thống nhất vận động theo định hướng XHCN; còn tồn tại nhiều loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất với những hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, đan xen hỗn hợp và tương ứng với nó là những hình thức phân phối khác nhau, trong đó hình thức phân phối theo lao động giữ vai trò chủ đạo
- Về chính trị: do kết cấu kinh tế đa dạng phức tạp nên thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH kết cấu giai cấp cũng đa dạng và phức tạp. Các giai cấp, tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Ngay trong một giai cấp cũng có nhiều bộ phận khác nhau, thu nhập, ý thức chính trị của các bộ phận khác nhau có sự khác nhau. Nhà nước XHCN ngày càng được củng cố để quản lý KT XH, NDLD đang phát huy quyền làm chủ của mình, thì các thế lực phản động đang tìm mọi cách để chống lại
- Về tư tưởng VH - XH: trong thời kỳ quá độ lên CNXH còn tồn tại nhiều tư tưởng văn hóa khác nhau. Bên cạnh tư tưởng XHCN là chủ nghĩa Mác - Lênin giữ vai trò thống trị còn tồn tại tư tưởng chống lại cách mạng. Vẫn còn có sự phân tầng, khác biệt giữa giai tầng trong xã hội

Thực chất thời kỳ quá độ là thời kỳ diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp giữa GCTS đã bị đánh bại không còn là giai cấp thống trị và những thế lực thù địch chống phá CNXH với GCCN và quần chúng NDLD do ĐCS lãnh đạo. Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra trong điều kiện mới là GCCN đã cầm quyền, quản lý tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp với nội dung và hình thức mới

Câu 11: *Trình bày những nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ*

a. Về chính trị

- Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở khối liên minh công - nông - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.
- Xây dựng và phát triển tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc

b. Về kinh tế

- Phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở của một nền công nghiệp hiện đại, phát huy tiềm năng của đất nước, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống của nhân dân và phát triển đất nước.
- Từng bước xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- Xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo là điều kiện vật chất để Nhà nước định hướng và phát triển nền kinh tế.
- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội gắn liền với tăng trưởng và phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

c. Về tư tưởng VH

- Chủ nghĩa Mác – Lênin trở thành hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của của xã hội thể hiện trong đạo đức, lối sống và cách suy nghĩ của mọi người.
- Từng bước nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, tạo điều kiện cho mọi người hưởng thụ và sáng tạo ra các giá trị văn hoá.
- Đấu tranh chống lại tàn dư của tư tưởng và văn hóa lạc hậu, phản động do xã hội cũ để lại hoặc do các thế lực thù địch thâm nhập vào.

- Xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- Xây dựng con người xã hội chủ nghĩa.

d. Về văn hóa

- Khắc phục các tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại, từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư để thực hiện mục tiêu bình đẳng xã hội

Câu 12: Nêu đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN

Xã hội XHCN (CNXH - giai đoạn thấp của CNCS) là xã hội có những đặc trưng cơ bản sau đây

- *Thứ nhất*, cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH là nền sản xuất đại công nghiệp hiện đại, được phát triển lên từ những tiền đề vật chất kỹ thuật của nền đại công nghiệp TBCN
Mỗi chế độ xã hội đều có một cơ sở vật chất tương ứng của nó, phản ánh trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật của xã hội đó. CNXH nảy sinh với tư cách là một chế độ phủ định chế độ TBCN, do vậy cơ sở vật chất – kỹ thuật của nó phải là nền sản xuất đại công nghiệp phát triển lên từ tiền đề vật chất kỹ thuật của nền đại công nghiệp TBCN, có trình độ cao hơn so với trình độ của nền công nghiệp của xã hội TBCN
- *Thứ hai*, xóa bỏ chế độ tư hữu TBCN, thiết lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu
Trong cách mạng XHCN và thời kỳ quá độ lên CNXH GCCN phải từng bước đoạt lấy tư liệu sản xuất từ trong tay giai cấp tư sản, tập trung những tư liệu ấy vào trong tay nhà nước để phục vụ cho toàn xã hội. Do vậy, chỉ đến XHCN thì quan hệ sản xuất XHCN mới được xác lập đầy đủ. Tới thời kỳ này, tư liệu sản xuất còn tồn tại dưới hai hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể; người lao động làm chủ các tư liệu sản xuất xã hội, do đó không còn tình trạng người bóc lột người
- *Thứ ba*, xã hội XHCN tạo ra cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới
Trong CNXH không còn chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, do vậy đã tạo điều kiện cho người lao động kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội. Thời kỳ này CNXH cũng tạo ra được cách thức tổ chức lao động mới dựa trên tinh thần tự giác của nhân dân
- *Thứ tư*, CNXH là một chế độ xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, coi đó là nguyên tắc cơ bản nhất
Trong xã hội XHCN, tuy sản xuất đã phát triển, nhưng vẫn còn có một số hạn chế nhất định, vì vậy thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ yếu. Mỗi người lao động sẽ nhận được từ xã hội một số lượng sản phẩm tiêu dùng có giá trị tương đương với số lượng, chất lượng, hiệu quả lao động mà họ đã tạo ra cho xã hội, sau khi trừ đi một khoản đóng góp chung cho xã hội
- *Thứ năm*, nhà nước XHCN mang bản chất GCCN, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc; thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân
Nhà nước mang bản chất của GCCN vì nhà nước XHCN là cơ quan quyền lực tập trung nhất của GCCN và NDLD đặt dưới sự lãnh đạo của ĐCS nhằm bảo vệ lợi ích của GCCN và NDLD; thực hiện trấn áp những thế lực phản động, những lực lượng chống đối CNXH
Nhà nước XHCN mang tính nhân dân rộng rãi vì đó là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì lợi ích của nhân dân
- *Thứ sáu*, xã hội XHCN là chế độ đã giải phóng con người thoát khỏi áp bức bóc lột, thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội, tạo điều kiện cơ bản để con người phát huy toàn diện

Câu 13: Trình bày những đặc trưng, chức năng và nhiệm vụ của nhà nước XHCN

a. Đặc trưng

Khác với các hình thức nhà nước đã có trong lịch sử, nhà nước XHCN là một kiểu nhà nước đặc biệt, đó là kiểu nhà nước có những đặc trưng cơ bản:

- Một là, nhà nước XHCN là công cụ cơ bản để thực hiện quyền lực của NDLD, dưới sự lãnh đạo của ĐCS
- Hai là, nhà nước XHCN là công cụ chuyên chính giai cấp, nhưng vì lợi ích của tất cả những người lao động, tức là tuyệt đại đa số nhân dân; thực hiện sự trấn áp đối với những lực lượng chống đối, phá hoại sự nghiệp cách mạng XHCN
- Ba là, trong khi nhấn mạnh sự cần thiết của bạo lực và trấn áp, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin vẫn xem mặt tổ chức, xây dựng là đặc trưng cơ bản của nhà nước XHCN, của chuyên chính vô sản
- Bốn là, nhà nước XHCN là nhà nước nửa nhà nước, nhà nước tự tiêu vong trong quá trình thực thi chức năng, nhiệm vụ của nó

b. Chức năng

Nhà nước XHCN có hai chức năng cơ bản: chức năng bạo lực trấn áp và chức năng tổ chức xây dựng. Trong đó chức năng tổ chức xây dựng là chức năng cơ bản và lâu dài nhất

Hai chức năng cơ bản của nhà nước XHCN luôn có mqh biện chứng với nhau, chức năng này làm điều kiện, tiền đề, cơ sở cho chức năng kia được thực hiện và ngược lại. Vì vậy trong nhận thức và tổ chức thực hiện, không tuyệt đối hóa hay coi nhẹ, hạ thấp hoặc tách rời giữa hai chức năng cơ bản đó của nhà nước XHCN. Trong đó, chức năng tổ chức xây dựng và quản lý toàn diện xã hội mới là chức năng cơ bản chủ yếu, xuyên suốt và lâu dài nhất của nhà nước XHCN, nhưng cũng không được vì thế mà coi nhẹ bạo lực, trấn áp của nhà nước. Phải căn cứ vào từng điều kiện, hoàn thành cụ thể mà xác định và thực hiện tốt chức năng trội hơn

c. Nhiệm vụ

- Nhiệm vụ chiến lược lâu dài của nhà nước XHCN là xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN. Đây là những nhiệm vụ bao trùm và được triển khai thành các nhiệm vụ cụ thể của nhà nước XHCN
- Nhiệm vụ chủ yếu, cụ thể của nhà nước XHCN là tổ chức nhân dân xây dựng KT – XH, phát triển mạnh mẽ LLSX, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của NDLD; từng bước củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN, tạo ra các quan hệ xã hội mới qua đó từng bước cải tạo dần các giai tầng xã hội cũ; giữ gìn ANCT, trật tự ATXH, trấn áp sự phản kháng của các giai cấp bóc lột đã bị đánh đổ và âm mưu phản cách mạng. Đây là nhiệm vụ rất quan trọng và thường xuyên của nhà nước XHCN, nhằm bảo vệ trật tự pháp luật của nhà nước XHCN và quyền lợi của NDLD; nhiệm vụ QP – AN chống xâm lược và làm tròn nhiệm vụ quốc tế của nhà nước XHCN, tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết, hợp tác với các nước XHCN và các nước khác trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH

Câu 14: Phân tích những đặc trưng của nền dân chủ XHCN

- Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ: dân chủ có nghĩa là quyền lực thuộc về nhân dân, là quyền tự do, bình đẳng của nhân dân trong đời sống xã hội và quan hệ xã hội, gắn liền với những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử nhất định
- Chế độ dân chủ XHCN là hình thức chính trị của nhà nước chuyên chính vô sản - nhà nước XHCN. Đó là toàn bộ những thể chế, thiết chế và cơ chế chính trị thể hiện và bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân
- Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ XHCN
Bản chất của nền dân chủ XHCN là quyền làm chủ thực tế của nhân dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, dưới sự lãnh đạo của ĐCS, thông qua sự quản lý của nhà nước XHCN và phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội. Do vậy, dân chủ XHCN vừa có bản chất GCCN, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc và có những đặc trưng cơ bản sau:
 - + Một là, với tư cách là một chế độ nhà nước được sáng tạo bởi quần chúng NDLD dưới sự lãnh đạo của ĐCS, dân chủ XHCN đảm bảo mọi quyền lực đều thuộc về quần chúng nhân dân
 - + Hai là, nền dân chủ XHCN có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội
 - + Ba là, trong nền dân chủ XHCN, quyền lợi và nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm, cống hiến và hưởng thụ của mọi công dân gắn bó chặt chẽ với nhau, bảo đảm cho công bằng xã hội và bình đẳng của công dân trước pháp luật
 - + Bốn là, xét về trình độ phát triển, dân chủ XHCN là nền dân chủ rộng rãi, hoàn thiện, triệt để hơn các chế độ dân chủ đã có trong lịch sử, nhưng vẫn là nền dân chủ mang tính giai cấp, thực hiện dân chủ rộng rãi đối với đồng bào nhân dân lao động và chuyên chính với thiểu số giai cấp áp bức, bóc lột, phản động
 - + Năm là, nền dân chủ XHCN không ngừng được mở rộng cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội; hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế hoạt động và trình độ dân trí

Câu 15: Trình bày những đặc trưng và tính tất yếu phải xây dựng nền văn hóa XHCN

a. Khái niệm nền văn hóa XHCN

- Xây dựng nền văn hóa XHCN là đòi hỏi tất yếu cầu sự nghiệp xây dựng CNXH
- Nền văn hóa XHCN được ra đời một cách tất yếu hợp quy luật, là nền văn hóa được hình thành, phát triển trên cơ sở phương thức sản xuất XHCN. Nó dựa trên hai tiền đề quan trọng là kinh tế (chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất được thiết lập) và chính trị (sau khi GCCN và NDLD giành được chính quyền)
- Nền văn hóa XHCN là nền văn hóa được xây dựng và phát triển trên nền tảng hệ tư tưởng của GCCN, do ĐCS lãnh đạo nhằm thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, đưa người lao động thực sự trở thành chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hóa

b. Đặc trưng của nền văn hóa XHCN

Bất cứ một nền văn hóa nào cũng đều mang những tính chất cơ bản là tính giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân và tính nhân loại. Tuy nhiên những tính chất đó trong các chế độ xã hội khác nhau, ở các nấc thang phát triển khác nhau có những biểu hiện không giống nhau và tạo nên đặc trưng cơ bản của từng nền văn hóa. Văn hóa XHCN mang các đặc trưng cơ bản sau:

- Một là, hệ tư tưởng của GCCN là nội dung cốt lõi, giữ vai trò chủ đạo quyết định phương hướng phát triển nền văn hóa XHCN bởi lẽ:
 - + Trong các xã hội có giai cấp, ý thức hệ giai cấp là nội dung cốt lõi của mọi nền văn hóa, tư tưởng của giai cấp thống trị trở thành tư tưởng thống trị toàn xã hội, do vậy nền văn hóa luôn bị chi phối bởi tư tưởng của giai cấp cầm quyền xã hội
 - + GCCN có hệ tư tưởng tiên tiến nên nền văn hóa XHCN cũng là nền văn hóa tiên tiến, là sự kết tinh của những giá trị tư tưởng nhân văn cao đẹp của nhân loại, hướng con người vươn tới những giá trị trụ cột của văn hóa: Chân - Thiện - Mỹ
- Hai là, nền văn hóa XHCN là nền văn hóa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc
 - + Nhân dân là người sáng tạo và thụ hưởng mọi giá trị văn hóa. Cuộc cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa phải nhằm phục vụ lợi ích của NDLD. Dưới CNXH, NDLD là chủ thể của nền văn hóa, tham gia vào quá trình sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa
 - + Là nền văn hóa kết tinh những giá trị tiến bộ của dân tộc và nhân loại, phát huy những giá trị Chân - Thiện - Mỹ lên một trình độ mới để xây dựng nền văn hóa nhân văn, dân chủ và nhân đạo. Kế thừa và phát huy những giá trị tiến bộ của nhân loại phải đi đôi với xóa bỏ mọi hình thức áp bức tinh thần, mọi bất bình đẳng và bất công trong quan hệ giữa người với người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện
- Ba là, nền văn hóa XHCN là nền văn hóa được hình thành, phát triển một cách tự giác, có sự quản lý của nhà nước XHCN, đặt dưới sự lãnh đạo của GCCN thông qua tổ chức ĐCS

c. Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa XHCN

Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa XHCN xuất phát từ những căn cứ sau đây:

- Thứ nhất, xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu của sự nghiệp cách mạng XHCN là cách mạng sâu sắc và toàn diện trên mọi lĩnh vực trong đó văn hóa là một mục tiêu quan trọng
- Thứ hai, từ nhu cầu và phù hợp với sự phát triển của phương thức sản xuất XHCN
 - + Văn hóa là một bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng, chịu sự tác động của cơ sở hạ tầng và do phương thức sản xuất vật chất quyết định. Do vậy, khi phương thức sản xuất mới được xác lập, tất yếu phải xây dựng nền văn hóa phù hợp với phương thức sản xuất đó
 - + Cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là để xác lập hệ tư tưởng, nền tảng chi phối sự hình thành và phát triển CNXH, đó là hệ tư tưởng của GCCN, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- Thứ ba, để cải tạo tư tưởng, tâm lý, ý thức và đời sống văn hóa tinh thần lạc hậu của chế độ cũ để lại còn tồn tại nô dịch một bộ phận nhân dân
 - + Tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm đấu tranh để loại bỏ những tàn dư, thói hư, tật xấu, cái thấp hèn, xóa bỏ tình trạng áp bức, bất bình đẳng của xã hội cũ còn để lại. Đồng thời, cuộc đấu tranh ấy cũng nhằm xây dựng hệ tư tưởng của GCCN
 - + Đối với những nước lạc hậu, chậm phát triển đi lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, ảnh hưởng của những tàn dư văn hóa cũ càng phức tạp, nặng nề hơn, do đó cuộc đấu tranh để cải tạo càng trở nên quyết liệt hơn
- Thứ tư, xây dựng nền văn hóa mới vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng XHCN
 - + Cách mạng tư tưởng văn hóa của CNXH còn nhằm giáo dục nâng cao trình độ văn hóa, trình độ giác ngộ cách mạng, ý thức đạo đức XHCN, tạo điều kiện để nâng cao trình độ phát triển toàn diện con người. Đó là sức mạnh cần thiết để GCCN và đông đảo các tầng lớp lao động trong xã hội chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu
 - + Sự phát triển của nền văn hóa XHCN là động lực trực tiếp thúc đẩy sự phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động
- Thứ năm, là một mặt trận nóng bỏng trong cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay
 - + Tư tưởng và văn hóa là công cụ, là phương tiện để phản ánh, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước; xây dựng cái mới cái đẹp, cái điển hình để hướng con người tới cái Chân - Thiện - Mỹ
 - + Trên mặt trận tư tưởng văn hóa, hàng ngày, hàng giờ kẻ thù luôn tìm cách thâm nhập, hoạt động chống phá cách mạng bằng nhiều âm mưu và thủ đoạn, đây phải thực sự là cuộc đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, những luận điệu xuyên tạc và chống phá của kẻ thù

Câu 16: Trình bày nội dung, phương thức xây dựng nền văn hóa XHCN

a. Những nội dung cơ bản của quá trình xây dựng nền văn hóa XHCN

Việc xây dựng nền văn hóa XHCN bao gồm những nội dung chính sau:

- Một là, cần phải nâng cao trình độ dân trí, hình thành tri thức của xã hội mới
 - + Xây dựng CNXH là một quá trình hoạt động tự giác, sáng tạo của QCND. QCND càng được chuẩn bị tốt về tinh thần, trí lực, tư tưởng... càng có ảnh hưởng tích cực đến tiến trình xây dựng CNXH. Do đó nâng cao trình độ dân trí, hình thành đội ngũ tri thức mới trở thành nội dung cơ bản của nền văn hóa XHCN
 - + Nâng cao dân trí - tri thức hóa công - nông, đào tạo nhân lực có chất lượng tốt và bồi dưỡng nhân tài, hình thành và phát triển đội ngũ tri thức XHCN, gắn liền với việc đẩy mạnh sự nghiệp GD - ĐT, phát triển khoa học kỹ thuật, công nghệ. Đồng thời cũng gắn liền với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng hình thành đội ngũ tri thức mới
- Hai là, xây dựng con người mới phát triển toàn diện
 - + Đây là một trong những nội dung chủ yếu của nền văn hóa XHCN, bởi chế độ xã hội mới đòi hỏi phải có những con người mới tương ứng
 - + Khi GCCN trở thành giai cấp cầm quyền, thì việc xây dựng con người mới đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp xây dựng CNXH trở thành một yêu cầu tất yếu. Do đó, xây dựng con người mới phát triển toàn diện của xã hội mới là một trong những nội dung cơ bản của văn hóa vô sản, của nền văn hóa XHCN
 - + Con người mới XHCN được xây dựng là con người phát triển toàn diện. Đó là con người có tinh thần và năng lực xây dựng thành công CNXH; là con người lao động mới; là con người có tinh thần yêu nước chân chính và tinh thần quốc tế trong sáng; là con người có lối sống tình nghĩa, có tính cộng đồng cao; ý thức rõ vị trí, nhiệm vụ, bổn phận của mình trong xã hội
- Ba là, xây dựng lối sống mới XHCN

Lối sống mới XHCN được xây dựng, hình thành trên những điều kiện cơ bản của nó, đó là: chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, trong đó sở hữu nhà nước thuộc về nhân dân; chủ nghĩa Mác - Lênin giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội; xóa bỏ tình trạng bất bình đẳng dân tộc, giới tính, thể hiện công bằng, mở rộng dân chủ,...
- Bốn là xây dựng gia đình văn hóa XHCN
 - + Gia đình là một hình thức tổ chức cơ bản trong đời sống cộng đồng của con người, một thiết chế VH - XH đặc thù được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở của quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng, giáo dục giữa các thành viên
 - + Những điều kiện KT - XH khác nhau là nhân tố quy định nên các hình thức tổ chức gia đình khác nhau. Xã hội loài người đã trải qua các hình thức cộng đồng: gia đình huyết thống, gia đình đối ngẫu, gia đình một vợ một chồng
 - + Gia đình văn hóa XHCN từng bước được xây dựng cùng với tiến trình phát triển của công cuộc cách mạng XHCN. Trong quá trình đó nền văn hóa XHCN có nhiệm vụ quyết định nhất đến việc xây dựng gia đình văn hóa mới XHCN
 - + Trong quá trình xây dựng CNXH, đặc biệt là trong thời kỳ quá độ, các yếu tố gia đình mới và cũ còn tồn tại đan xen với nhau. Chính vì vậy, xây dựng gia đình văn hóa mới XHCN là một yêu cầu tất yếu của quá trình xây dựng CNXH
 - + Thực chất của việc xây dựng gia đình văn hóa mới XHCN là nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa XHCN. Quan điểm này xuất phát từ mqh giữa gia đình và xã hội. Gia đình là “tế bào” của xã hội, mỗi gia đình hòa thuận, hạnh phúc, ổn định sẽ góp phần cho sự phát triển ổn định, lành mạnh của xã hội; và ngược lại, xã hội phát triển ổn định lành mạnh sẽ tạo điều kiện cho gia đình ấm no, hạnh phúc. Hơn thế nữa, xét về mqh lợi ích thì trong CNXH, lợi ích của gia đình và lợi ích của xã hội là cơ bản có sự phù hợp
 - + Gia đình văn hóa mới XHCN là gia đình được xây dựng, tồn tại và phát triển trên cơ sở giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ những yếu tố lạc hậu, những tàn tích của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến, TBCN, đồng thời tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhân loại về gia đình
 - + Gia đình văn hóa mới XHCN là gia đình tiên bộ, đánh dấu bước phát triển của các hình thức gia đình trong lịch sử nhân loại. Xây dựng gia đình văn hóa mới XHCN đem lại lợi ích cho cá nhân và xã hội. Với ý nghĩa đó, việc xây dựng gia đình văn hóa mới XHCN trở thành một nội dung quan trọng của nền văn hóa XHCN
 - + Có nhiều nội dung quan trọng cần phải thực hiện trong quá trình xây dựng gia đình văn hóa mới XHCN, việc xây dựng mqh giữa các thành viên trong gia đình và giữa gia đình với xã hội là nội dung quan trọng nhất. Phải

tạo dựng mqh vợ chồng bình đẳng, thương yêu, giúp đỡ nhau về mọi mặt. Mqh giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em trong gia đình là mqh huyết thống, tình cảm của tình thương yêu và trách nhiệm

- + Xã hội XHCH luôn tạo điều kiện vật chất và tinh thần tốt nhất trong điều kiện có thể để mọi gia đình ấm no, hạnh phúc và cũng đòi hỏi gia đình cung cấp cho xã hội những công dân có sức khỏe tốt, có trí tuệ phát triển. Tạo dựng được mqh tốt đẹp giữa các thành viên trong gia đình và giữa gia đình và xã hội là yếu tố cơ bản để xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là “tế bào” lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi con người, góp phần trực tiếp xây dựng cuộc sống mới, xã hội mới

b. Phương thức xây dựng nền văn hóa XHCN

- Thứ nhất, giữ vững và tăng cường vai trò chủ đạo của hệ tư tưởng GCCN trong đời sống tinh thần xã hội
Xây dựng nền văn hóa xã hội là hoạt động có mục đích của GCCN thông qua ĐCS và nhà nước XHCN, nhằm xây dựng và phát triển hệ tư tưởng XHCN - hệ tư tưởng của GCCN trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội. Do đó, giữ vững và tăng cường vai trò chủ đạo của hệ tư tưởng GCCN trong đời sống tinh thần xã hội là phương thức quan trọng để xây dựng nền văn hóa XHCN. Đây là phương thức cơ bản để giữ vững đặc trưng, bản chất của nền văn hóa đó. Phương thức này được tiến hành thông qua việc truyền bá hệ tư tưởng của GCCN trong các tầng lớp nhân dân bằng những phương pháp và hình thức thích hợp
- Thứ hai, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của ĐCS và vai trò quản lý của nhà nước XHCN đối với hoạt động văn hóa
 - + Sự lãnh đạo của ĐCS và quản lý của nhà nước XHCN đối với mọi hoạt động văn hóa là phương thức có tính nguyên tắc, là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng nền văn hóa XHCN. Phương thức này được coi là sự đảm bảo về chính trị, tư tưởng để nền văn hóa xây dựng trên nền tảng của hệ tư tưởng của GCCN đi đúng quỹ đạo và mục tiêu xác định. Thực chất đây là sự tăng cường chuyên chính vô sản là sự đảm bảo cho thắng lợi của quá trình xây dựng nền văn hóa vô sản
 - + Đảng lãnh đạo xây dựng nền văn hóa bằng cương lĩnh, đường lối, chính sách văn hóa của mình và sự lãnh đạo của đảng phải được thể chế hóa trong hiến pháp, pháp luật, chính sách. Nhà nước thực hiện quản lý văn hóa theo đúng các nguyên tắc, quan điểm, chủ trương của ĐCS
- Thứ ba, xây dựng nền văn hóa XHCN theo phương thức kết hợp việc thừa kế những giá trị trong di sản văn hóa dân chủ với tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của văn hóa nhân loại
Sự gắn kết giữa giữ gìn, kế thừa văn hóa dân tộc, tiếp thu giá trị văn hóa nhân loại với quá trình sản sinh giá trị mới, tạo nên sự thống nhất biện chứng của hai mặt giữ gìn và sáng tạo văn hóa. Đây được coi là phương thức nhằm xây dựng nền văn hóa XHCN phong phú đa dạng. Cùng với quá trình này là những phương pháp thích hợp nhằm đưa ra giá trị văn hóa vào đời sống xã hội để đông đảo nhân dân được hưởng thụ văn hóa do mình sáng tạo ra
- Thứ tư, tổ chức và lôi cuốn quần chúng nhân dân vào các hoạt động và sáng tạo văn hóa
Trong tiến trình cách mạng XHCN, trong sự nghiệp xây dựng CNXH, NDLD đã trở thành chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Tuy nhiên, để phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của chính quyền, ĐCS và nhà nước cần phải tổ chức nhiều phong trào nhằm lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia vào các hoạt động và sáng tạo văn hóa

Câu 17: Cơ sở và nguyên tắc giải quyết vấn đề dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin trong CNXH

- Cùng với vấn đề giai cấp, vấn đề dân tộc luôn luôn là một nội dung quan trọng có ý nghĩa chiến lược của cách mạng XHCN. Giải quyết vấn đề dân tộc là một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định, phát triển hay khủng hoảng, tan rã của một quốc gia dân tộc.
- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, vấn đề dân tộc là một bộ phận của những vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản. Do đó, giải quyết vấn đề dân tộc phải gắn với CMVS và trên cơ sở của cách mạng XHCN. Chủ nghĩa Mác-Lênin cũng nhấn mạnh rằng, khi xem xét và giải quyết vấn đề dân tộc phải đứng vững trên lập trường GCCN. Điều đó có nghĩa là phải trên cơ sở và vì lợi ích cơ bản lâu dài của dân tộc.
- Giải quyết vấn đề dân tộc, thực chất là xác lập quan hệ công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc trong một quốc gia, giữa các quốc gia dân tộc trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và ngôn ngữ.
- Trên cơ sở tư tưởng của Mác, Ăngghen về vấn đề dân tộc và giai cấp; cùng với sự phân tích hai xu hướng của quá trình dân tộc, Lênin đã nêu ra “cương lĩnh dân tộc” với ba nội dung cơ bản: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại. Đây được coi là cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin, của Đảng Cộng sản.
- Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin là một bộ phận không thể tách rời trong cương lĩnh cách mạng của GCCN, là tuyên ngôn về vấn đề dân tộc của ĐCS trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp

và giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc. cương lĩnh đã trở thành cơ sở lý luận cho chủ trương, đường lối và chính sách dân tộc của các ĐCS và NNXHCN.

* Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc. Tất cả các dân tộc, dù đông hay ít người, có trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, không có đặc quyền, đặc lợi về KT, CT, VH, ngôn ngữ cho bất cứ dân tộc nào.

Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và trong thực tế phải được thực hiện, trong đó việc khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản.

Trong quan hệ giữa các quốc gia – dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa sô vanh nước lớn, chống sự áp bức, bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước lạc hậu, chậm phát triển về kinh tế. Mọi quốc gia đều bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

* Các dân tộc được quyền tự quyết

Về thực chất, quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc, quyền tự quyết định con đường phát triển kinh tế, chính trị - xã hội của dân tộc mình. Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập (vì lợi ích của các dân tộc, chứ không phải vì mưu đồ và lợi ích của một nhóm người nào) và quyền tự nguyện liên hiệp lại với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

Khi xem xét giải quyết quyền tự quyết của dân tộc cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân: ủng hộ các phong trào tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống lại những mưu toan lợi dụng quyền dân tộc tự quyết làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ các nước, đòi ly khai chia rẽ dân tộc.

* Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Đây là tư tưởng, nội dung cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của Lênin. Tư tưởng này là sự thể hiện bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và phản ánh tính thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp.

Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc có ý nghĩa lớn lao đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nó có vai trò quyết định đến việc xem xét, thực hiện quyền bình đẳng dân tộc và quyền dân tộc tự quyết. Đồng thời, đây cũng là yếu tố tạo nên sức mạnh đảm bảo cho thắng lợi của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Câu 18: Trình bày lý do tôn giáo tồn tại trong CHXN

Dưới CNXH, mặc dù những điều kiện KT, XH, CT, VH - tinh thần đã có những thay đổi căn bản nhưng tôn giáo vẫn còn tồn tại do nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguyên nhân nhận thức: dưới CNXH, nhất là trong thời kỳ quá độ lên CNXH, NDLD ở một mức độ nhất định vẫn còn lệ thuộc và bị chi phối bởi các lực lượng tự nhiên và xã hội như: bất bình đẳng, tiêu cực xã hội, đời sống vật chất tinh thần chưa cao; các hiện tượng bão lụt, bệnh tật hiểm nghèo, nhiều hiện tượng tự nhiên, xã hội mà khoa học chưa lý giải được vẫn là thần bí đối với con người
- Nguyên nhân kinh tế: trong tiến trình xây dựng CNXH, vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế với các lợi ích khác nhau trong các tầng lớp xã hội; vẫn còn tồn tại sự bất bình đẳng về KT, CT, XH; sự cách biệt về đời sống vật chất, tinh thần giữa các nhóm dân cư; có những yếu tố may rủi ngẫu nhiên tác động...
- Nguyên nhân tâm lý: xét về bản chất, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội bảo thủ, lạc hậu. Do vậy, nó không dễ dàng mất đi khi tồn tại xã hội mà nó phản ánh đã thay đổi căn bản
- Nguyên nhân VH -XH: tôn giáo có tính quần chúng, tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện. Sinh hoạt tôn giáo có khả năng đáp ứng ở một mức độ nào đó nhu cầu văn hóa, tinh thần và mang ý nghĩa giáo dục nhân văn đối với con người. Vì vậy trong một chừng mực nhất định nó vẫn có sức hấp dẫn đối với một bộ phận nhân dân

Dưới CNXH tôn giáo vẫn còn tồn tại nhưng đã có những thay đổi căn bản

- Những cơ sở kinh tế và những chỗ dựa chính trị cho những thế lực phản động chi phối các tôn giáo bị xóa bỏ hoặc bị hạn chế đáng kể
- GCCN và nhà nước XHCN không sử dụng tôn giáo như công cụ để củng cố địa vị của mình, mà hướng các tổ chức tôn giáo vào chăm lo việc đạo, giáo dục, động viên các tín đồ tích cực góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước

- Dưới CNXH, nhà nước bảo đảm và thực hiện quyền tự do tín ngưỡng của mọi công dân, thực hiện sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các công dân, không phân biệt sự khác nhau về tín ngưỡng, tôn giáo; thực hiện sự bình đẳng trước pháp luật giữa các tôn giáo
- Kiên quyết đấu tranh chống lại những kẻ lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị đi ngược lại lợi ích của tổ quốc và nhân dân

Câu 19: Nguồn gốc của tôn giáo. Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong giải quyết vấn đề tôn giáo dưới CHXH

a. Khái niệm tôn giáo

- Khái niệm tôn giáo: tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Qua hình thức phản ánh của tôn giáo, những sức mạnh tự phát trong tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí
- + Đó là sự phản ánh mà thế giới tự nhiên đã trở thành lực lượng siêu tự nhiên, chi phối, quyết định số phận con người; con người phải phục tùng và tôn thờ lực lượng siêu tự nhiên đó
- + Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Tôn giáo là một hiện tượng xã hội, văn hóa, lịch sử; một lực lượng xã hội trấn thế
- + Tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan có sự khác nhau, song lại có quan hệ chặt chẽ mà ranh giới để phân biệt chúng chỉ là tương đối

Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng của con người vào các lực lượng siêu nhiên với quan niệm rằng những lực lượng siêu nhiên ấy có khả năng chi phối, thậm chí quyết định số phận con người. Theo đó, tín ngưỡng là khái niệm rộng hơn tôn giáo. Tôn giáo là một trong những hình thức tín ngưỡng có quan niệm, ý thức, hành vi, tổ chức và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo; một tôn giáo thường có giáo lý, giáo luật, lễ nghi thờ cúng, hệ thống tổ chức và cơ sở phục vụ cho hoạt động của mình

Mê tín dị đoan là niềm tin cuồng vọng của con người vào lực lượng siêu nhiên đến mức mê muội, phi nhân tính, phản văn hóa, gây hậu quả tiêu cực, trực tiếp đến người tin theo. Đây là một hiện tượng xã hội tiêu cực, thường hoạt động đan xen với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cho nên, căn cứ chủ yếu để xem xét mê tín dị đoan là tác động tiêu cực mà nó gây ra. Vì vậy, đồng thời với việc tôn trọng tín ngưỡng, tôn giáo, phải kiên quyết bài trừ mê tín dị đoan

- + Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện tự nhiên và lịch sử xã hội nhất định, xét về mặt bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên và xã hội. C.Mác khẳng định: “sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”
- + Về phương diện thế giới quan giữa thế giới quan duy vật và thế giới quan tôn giáo là đối lập nhau. Tuy vậy, trong thực tiễn, ĐCS và nhà nước XHCN luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân

b. Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong giải quyết vấn đề tôn giáo dưới CHXH

Tín ngưỡng, tôn giáo là một vấn đề phức tạp, nhạy cảm, tế nhị. Cho nên, giải quyết vấn đề tôn giáo cần phải thật trọng, tỉ mỉ, chuẩn xác, vừa giữ vững nguyên tắc, vừa linh hoạt, mềm dẻo phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể. Trong cách mạng XHCN, giải quyết vấn đề tôn giáo cần phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Một là, giải quyết những vấn đề phát sinh từ tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới
- Giải quyết vấn đề tôn giáo phải sử dụng tổng hợp các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực nhằm xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói, dốt nát,... Đó phải là sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới một cách toàn diện KT, CT, VH, XH. Không thể dùng mệnh lệnh hành chính để xóa bỏ tôn giáo mà chỉ có thể giải phóng khỏi ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo bằng cách từng bước giải quyết tự nhiên, nguồn gốc xã hội của tôn giáo với việc đấu tranh giai cấp của GCCN. Theo đó khi tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng NDLD thì:
- + Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân
 - + Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật
 - + Phát huy những giá trị tích cực của tôn giáo, đặc biệt là những giá trị đạo đức, truyền thống, chủ nghĩa nhân đạo và tinh thần yêu nước, phấn đấu sống “tốt đời, đẹp đạo” phù hợp với lợi ích dân tộc

- + Mọi công dân có hoặc không có tín ngưỡng đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, không có phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo, không xâm phạm đến tình cảm tôn giáo của công dân
- Hai là, thực hiện đoàn kết giữa những người có tôn giáo, với những người không có tôn giáo, đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết những người theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ cộng đồng vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo
Đoàn kết mọi công dân để phấn đấu nâng cao đời sống về KT, VH, XH, tạo điều kiện để những người có tôn giáo đến với CNXH. Cấm kỳ thị, miệt thị, chia rẽ vì lý do tôn giáo. Chống mê tín dị đoan, chống việc lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân, dân tộc
- Ba là, phân biệt mqh giữa 2 mặt chính trị và tư tưởng trong vấn đề tôn giáo
 - + Trong xã hội có giai cấp đối kháng tôn giáo không chỉ thuần túy là vấn đề tín ngưỡng tư tưởng mà mang tính chính trị sâu sắc trở thành công cụ để giai cấp bóc lột, lợi dụng nô dịch quần chúng NDLD. Các tổ chức tôn giáo không chỉ là một tổ chức tín ngưỡng, mà ở những mức độ khác nhau còn tham gia các hoạt động CT - XH
 - + Dưới CNXH, trong đời sống tôn giáo tồn tại hai loại mâu thuẫn: mâu thuẫn đối kháng giữa những phần tử lợi dụng tôn giáo để nô dịch NDLD, chống phá cách mạng đông đảo với NDLD; mâu thuẫn không đối kháng giữa những người lao động có tín ngưỡng khác nhau hoặc không có tín ngưỡng. Phải căn cứ và từng loại mâu thuẫn đó mà có thái độ, cách xử lý cụ thể đối với các tôn giáo trong điều kiện lịch sử cụ thể.
 - + Đấu tranh loại bỏ yếu tố chính trị phản động trong tôn giáo là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên trong quá trình cách mạng XHCN. Điều này phải được tiến hành kiên quyết, dứt khoát, đồng thời phải thận trọng, tỉ mỉ, không thể nôn nóng, vội vàng nhằm đặt được những yêu cầu cơ bản sau đây:
Thứ nhất, xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo, nhằm tập hợp được mọi lực lượng để thực hiện sự nghiệp cách mạng XHCN
Thứ hai, phát huy tinh thần yêu nước của những chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo để họ làm tốt việc đạo, việc đời, hướng dẫn tín đồ chấp hành đúng chính sách, pháp luật của nhà nước XHCN
Thứ ba, kiên quyết vạch trần và xử lý theo pháp luật những phần tử lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng gây chia rẽ trong nội bộ nhân dân, xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và nhà nước XHCN, làm tổn hại đến lợi ích của tổ quốc và nhân dân
Thứ tư, giải quyết vấn đề tín ngưỡng của NDLD là một quá trình lâu dài gắn với quá trình phát triển của cách mạng XHCN trên tất cả các lĩnh vực KT, CT, VH, GD, khoa học - công nghệ nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của họ, trong đó có đồng bào theo đạo; đồng thời phải chủ động, thường xuyên coi trọng giáo dục chủ nghĩa vô thần khoa học, thế giới quan Mác - Lênin, đường lối, chính sách của đảng và nhà nước XHCN
Thực tế cho thấy giải quyết tốt mqh giữa tín ngưỡng và chính trị của các tôn giáo không đơn giản, bởi hai mặt đan xen, tác động nhau, rất khó phân biệt rạch ròi, nhất là khi kẻ thù luôn lợi dụng mặt tín ngưỡng để lồng vắn đề chính trị vào trong các hoạt động của tôn giáo. Điều đó đòi hỏi khi xem xét, giải quyết vấn đề tôn giáo phải thận trọng, nghiên cứu kỹ thực chất vấn đề để giải quyết chính xác, đạt hiệu quả
- Bốn là, phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo
Ở những thời điểm lịch sử khác nhau vai trò, tác động của từng tôn giáo là khác nhau, quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sỹ không giống nhau. Vì vậy, cần có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử với tôn giáo và những vấn đề có liên quan đến tôn giáo

Câu 20: Những thành tựu của CNXH hiện thực

CNXH hiện thực đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực

- Về chính trị: ĐCS giữ vai trò lãnh đạo toàn bộ xã hội; nhà nước XHCN được củng cố vững chắc; nền dân chủ XHCN từng bước được xây dựng, bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của nhân dân; khối đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức do ĐCS lãnh đạo được phát huy. Các vấn đề dân tộc được giải quyết cơ bản theo nguyên tắc: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng quyền dân tộc tự quyết và tương trợ giữa các dân tộc vì lợi ích chung và lợi ích của mỗi dân tộc. Các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân được tôn trọng
- Về kinh tế: tư liệu sản xuất chủ yếu trở thành tài sản chung của toàn dân, được sử dụng cho lợi ích của người lao động, tốc độ phát triển kinh tế xã hội ngày càng cao
- Về VH - XH: nền văn hóa tiên tiến từng bước được hình thành trong đó nhân dân là chủ thể sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa giữ vị trí chủ đạo trong đời sống xã hội; nền khoa học công nghệ có quy mô, tốc độ phát triển nhanh. Các phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội quan tâm đến các tầng lớp nhân dân

- Về quốc phòng: Nghiên cứu vũ trụ đạt trình độ công nghệ tiên tiến thế giới. Khoa học và công nghiệp quốc phòng có bước tiến nhảy vọt tạo được thế cân bằng về quân sự, phá vỡ thế độc quyền vũ khí hạt nhân của Mỹ, đủ sức răn đe âm mưu của CNDQ dùng chiến tranh hạt nhân để tiêu diệt CNXH hiện thực

CNXH hiện thực là thành trì vững chắc của hòa bình và an ninh thế giới, là lực lượng nòng cốt đẩy lùi những hành động gây chiến của CNDQ, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân hủy diệt, bảo vệ hòa bình, an ninh thế giới

CNXH hiện thực là chỗ dựa vững chắc của các lực lượng cách mạng dân chủ, tiến bộ trên thế giới

Sự giúp đỡ, tương trợ đã thể hiện ở chủ nghĩa quốc tế XHCN giữa các nước XHCN anh em

Các nước XHCN dành cho phong trào giải phóng dân tộc sự giúp đỡ to lớn, thường xuyên và có hiệu quả cả trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền và cả trong xây dựng đất nước

Tóm lại, CNXH hiện thực ra đời đã mở ra thời đại mới - thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới, làm thay đổi căn bản bộ mặt hành tinh trong thế kỷ XX và xu thế phát triển của lịch sử nhân loại

Với những thành tựu vĩ đại đã chứng minh trên thực tế, CNXH hiện thực là chế độ xã hội ưu việt, có đóng góp to lớn vào tiến trình lịch sử của nhân loại